

Số: /QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết 90/NQ-CP ngày 16/6/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số /TTr-BCT ngày ... tháng 10 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Chủ tịch, Tổng giám đốc Tổng công ty Đông Bắc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu Khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Tổng công ty Đông Bắc;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC
QUỐC GIA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điện VIII.

- Xác định danh mục các dự án, các đề án, quy mô công suất theo loại hình nguồn điện, giải pháp để triển khai thực hiện từ nay đến năm 2030; xác định phương thức, nguồn lực, cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện.

- Định hướng cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch trong từng giai đoạn.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính tuân thủ, kế thừa các Nghị quyết, chương trình hành động, các quy hoạch ngành và kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành liên quan đã được phê duyệt;

- Đảm bảo phát triển cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng nhằm khai thác hiệu quả các nguồn điện, đảm bảo tin cậy cung cấp điện tại chỗ, giảm truyền tải điện đi xa.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện mặt trời, sinh khối, điện sản xuất từ rác...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước kết hợp với nhập khẩu: Giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, ưu tiên phát triển điện khí trong nước, phát triển các nguồn điện khí LNG nhập khẩu với quy mô phù hợp.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt trong triển khai thực hiện các dự án theo từng thời kỳ, đảm bảo an ninh cung cấp điện, phù hợp với bối cảnh và nguồn lực quốc gia.

- Thực hiện chuyển dịch năng lượng mạnh mẽ từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo và năng lượng mới để giảm phát thải khí ô nhiễm và khí gây hiệu ứng nhà kính, đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Danh mục các dự án nguồn điện đến năm 2030

- Tổng công suất thủy điện là 29.346 MW. Danh mục dự án thủy điện vừa và lớn cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 6 Phụ lục I.

- Tổng công suất thủy điện tích năng là 2.400 MW. Danh mục dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 8 Phụ lục I.

- Tổng công suất pin lưu trữ là 300 MW. Danh mục dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 14 Phụ lục I.

- Tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 2.700 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 4 Phụ lục I.

- Tổng công suất nhiệt điện than là 30.127 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 2 Phụ lục I.

- Tổng công suất nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng và tiến độ thực hiện tại Bảng 5 Phụ lục I.

- Tổng công suất nhiệt điện LNG là 22.400 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ thực hiện tại Bảng 1 Phụ lục I.

2. Công suất các nguồn năng lượng tái tạo của các địa phương/vùng đến năm 2030

- Tổng công suất điện gió trên bờ (điện gió trên đất liền và gần bờ) là 21.880 MW. Công suất lũy kế đến năm 2030 nguồn điện gió trên bờ theo tỉnh tại Bảng 10, Phụ lục I.

- Tổng công suất điện gió ngoài khơi là 6.000 MW. Công suất điện gió ngoài khơi đến năm 2030 theo vùng tại Bảng 8, Phụ lục I.

- Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (tự sản, tự tiêu) tăng thêm là 2.600 MW. Kết quả phân bổ ĐMT mái nhà theo tỉnh tại Bảng 9, Phụ lục I. Việc phát triển điện mặt trời mái nhà thực hiện theo Cơ chế phát triển điện mặt trời mái nhà do cấp thẩm quyền ban hành, phù hợp với quy mô công suất được phê duyệt.

- Tổng công suất điện sinh khối, điện sản xuất từ rác là 2.270 MW.

+ Công suất lũy kế đến năm 2030 điện sinh khối theo tỉnh tại Bảng 13, Phụ lục I.

+ Công suất lũy kế đến năm 2030 điện sản xuất từ rác theo tỉnh tại Bảng 12,

Phụ lục I.

- Tổng công suất thủy điện là 29.346 MW. Công suất lũy kế đến năm 2030 thủy điện nhỏ theo tỉnh tại Bảng 11, Phụ lục I.

3. Các loại hình nguồn điện khác

Đối với nguồn điện linh hoạt, đến năm 2030, dự kiến phát triển 300 MW. Ưu tiên phát triển tại các khu vực có khả năng thiếu hụt công suất dự phòng; tận dụng hạ tầng lưới điện sẵn có.

Đối với nhập khẩu điện, giai đoạn tới năm 2030, dự kiến nhập khẩu khoảng 5.000 MW từ Lào, có thể tăng lên 8.000 MW khi có điều kiện thuận lợi với giá điện hợp lý để tận dụng tiềm năng nguồn điện xuất khẩu của Lào.

Đối với nguồn điện từ năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu, sản xuất năng lượng mới, cụ thể như sau:

- Những vị trí có tiềm năng xuất khẩu điện ra nước ngoài là khu vực miền Trung và miền Nam. Quy mô xuất khẩu từ 5.000 MW đến 10.000 MW năm 2030 khi có các dự án khả thi.

- Nhu cầu điện năng lượng tái tạo cho sản xuất các loại năng lượng mới (như hydro xanh, amoniac xanh) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu: Ưu tiên phát triển tại các khu vực có tiềm năng năng lượng tái tạo cao, thuận tiện trong vận chuyển là khu vực Nam Bộ và Nam Trung Bộ; quy mô phát triển phấn đấu đạt 5.000 MW vào năm 2030 (chủ yếu là nguồn điện gió trên biển) và sẽ được xác định rõ khi có các dự án khả thi về công nghệ và giá thành. Công suất nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới không tính vào cơ cấu nguồn điện cung cấp cho phụ tải hệ thống điện quốc gia.

Trong quá trình triển khai, nếu các dự án nguồn điện trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII gặp khó khăn, vướng mắc, không triển khai được, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ đẩy sớm tiến độ các dự án quy hoạch giai đoạn sau lên và/hoặc lựa chọn các dự án khác thay thế để đảm bảo an ninh cung cấp điện.

4. Danh mục các dự án lưới điện

Danh mục các dự án lưới điện truyền tải tại Phụ lục II.

5. Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện

Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện tại các Bảng 17, 18, 19 Phụ lục I.

6. Nhu cầu sử dụng đất, mặt biển

Tổng nhu cầu sử dụng đất cho nguồn và lưới điện truyền tải toàn quốc giai đoạn 2021-2030 khoảng gần 90,3 nghìn ha.

Đối với điện gió ngoài khơi, tổng nhu cầu diện tích mặt biển giai đoạn 2021-2030 khoảng 111,6 nghìn ha.

7. Nhu cầu vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư và phân loại vốn đầu tư:

- Toàn bộ vốn đầu tư cho các dự án đầu tư nguồn và lưới điện truyền tải sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công.

+ Vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025: 57,1 tỷ USD, trong đó nguồn điện 48,1 tỷ USD, lưới truyền tải 9,0 tỷ USD.

+ Vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030: 77,6 tỷ USD, trong đó nguồn điện 71,7 tỷ USD, lưới truyền tải 5,9 tỷ USD.

- Các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Nhu cầu vốn đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.

8. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Các giải pháp thực hiện quy hoạch được thực hiện theo Phần VI, Điều 1 của Quyết định số 500/QĐ-TTg.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch hiệu quả tuân thủ theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và pháp luật có liên quan, đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện xây dựng và trình Chính phủ Luật Điện lực sửa đổi, trình Quốc hội thông qua. Trình Chính phủ ban hành các chính sách về mua bán điện trực tiếp.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục làm việc với các chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện than đang trong quá trình triển khai đầu tư, rà soát kỹ các quy định của pháp luật, các cam kết, thỏa thuận giữa các bên để xử lý dứt điểm các dự án.

d) Xem xét, đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao EVN và các doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, khảo sát về các điều kiện phát triển điện gió ngoài khơi, sẵn sàng triển khai khi có cơ sở pháp lý để các cấp có thẩm quyền giao chủ đầu tư.

đ) Định kỳ hằng năm, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, báo cáo tình hình đảm bảo cung ứng điện cho năm tới và năm tiếp theo.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì xây dựng cơ chế đấu thầu công khai, minh bạch để lựa chọn các chủ đầu tư thực hiện các dự án điện, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư nước ngoài, vốn ODA và vốn đầu tư tư nhân cho phát triển ngành điện đồng bộ, cân đối và bền vững.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế tài chính và cơ chế huy động vốn cho đầu tư phát triển ngành điện theo quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch được duyệt nhằm đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu điện của toàn xã hội.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng các chính sách về giá điện theo cơ chế thị trường.

c) Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng và ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính, cơ chế giá điện, cơ chế khuyến khích để hỗ trợ thực hiện.

d) Chủ trì rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về thuế, tài chính, kế toán để hiệu chỉnh, sửa đổi trong trường hợp cần thiết, đảm bảo thi hành được các cơ chế tài chính, khuyến khích hỗ trợ thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chỉ đạo các Tổ chức tín dụng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng, doanh nghiệp đầu tư các dự án điện thuộc Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng một cách thuận lợi theo quy định của pháp luật.

5. Các Bộ, ngành khác, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để triển khai đúng tiến độ các dự án trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Rà soát Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Tổ chức thực hiện xây dựng danh mục dự án nguồn điện NLTT (không bao gồm điện gió ngoài khơi) phù hợp với quy mô công suất từng loại hình nguồn điện được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án nhiệt điện sử dụng LNG chưa có chủ đầu tư, khẩn trương hoàn thành lựa chọn chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ lập và trình báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, hoàn thành trong quý IV năm 2023.

- Tiếp tục rà soát các dự án điện mặt trời tập trung đã được phê duyệt quy hoạch, đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và giao chủ đầu tư theo các yêu cầu đã nêu tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

7. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện toàn quốc và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

8. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn khí trong nước để cung cấp cho phát điện, phù hợp với nhu cầu phụ tải điện. Triển khai nhanh, có hiệu quả các mỏ khí Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu... theo tiến độ được duyệt.

- Thực hiện các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng kho, cảng, kết nối hệ thống khí trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn điện được giao.

9. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Trước mắt nâng cao năng lực sản xuất

than trong nước, kết hợp với nhập khẩu than để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện.

- Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các Bộ, ngành, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Công Thương để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC LOẠI NGUỒN ĐIỆN VÀ CÁC DỰ
ÁN/ĐỀ ÁN

Bảng 1: Kế hoạch đưa vào vận hành các nhà máy nhiệt điện LNG

TT	Tên nhà máy điện	Công suất (MW)	Tỉnh/TP	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
	Nhiệt điện LNG				
1	LNG Quảng Ninh	1.500	Quảng Ninh	2028-2029	Đang lập FS
2	LNG Thái Bình	1.500	Thái Bình	2029	Đang lựa chọn chủ đầu tư
3	LNG Nghi Sơn	1.500	Thanh Hóa	2029-2030	Đang lựa chọn chủ đầu tư
4	LNG Quảng Trạch II	1.500	Quảng Bình	2029-2030	
5	LNG Quỳnh Lập	1.500	Nghệ An	2029-2030	
6	LNG Hải Lăng giai đoạn 1	1.500	Quảng Trị	2028-2029	Đang lập FS
7	LNG Cà Ná	1.500	Ninh Thuận	2029-2030	Đang lựa chọn chủ đầu tư
8	NMNĐ Sơn Mỹ II	2.250	Bình Thuận	2027-2029	Đang lập FS
9	NMNĐ BOT Sơn Mỹ I	2.250	Bình Thuận	2027-2029	Đang lập FS
10	LNG Long Sơn	1.500	BRVT	2031-2035	Giai đoạn 2031-2035
11	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1.624	Đồng Nai	2024-2025	Đang thi công
12	LNG Hiệp Phước giai đoạn I	1.200	TP. HCM	2025	Đang thi công
13	LNG Long An I	1.500	Long An	2029-2030	Đang lập FS
14	LNG Long An II	1.500	Long An	2031-2035	Giai đoạn 2031-2035
15	LNG Bạc Liêu	3.200	Bạc Liêu	2027-2029	Đang lập FS
	Các vị trí tiềm năng, dự phòng cho các dự án chậm tiến độ hoặc không thể triển khai				Thái Bình, Nam Định, Nghi Sơn, Quỳnh Lập, Vũng Áng, Chân Mây, Mũi Kê Gà, Hiệp Phước 2, Tân Phước, Bến Tre, Cà Mau,...

Ghi chú:

- Quy mô chính xác của các nhà máy điện sẽ được xác định cụ thể, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong giai đoạn triển khai dự án.

- Trong quá trình triển khai Quy hoạch điện VIII, nếu các dự án trong danh mục này gặp khó khăn, vướng mắc, không triển khai được, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ đẩy sớm tiến độ các dự án quy hoạch giai đoạn sau lên và/hoặc lựa chọn các dự án khác thay thế tại các vị trí tiềm năng để đảm bảo an ninh cung cấp điện.

Bảng 2: Kế hoạch đưa vào vận hành các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) than

TT	Tên nhà máy điện	Công suất (MW)	Tỉnh/TP	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
1	NMNĐ Na Dương II	110	Lạng Sơn	2026	
2	NMNĐ An Khánh - Bắc Giang	650	Bắc Giang	2026	
3	NMNĐ Vũng Áng II	1.330	Hà Tĩnh	2025-2026	
4	NMNĐ Quảng Trạch I	1.403	Quảng Bình	2026	EVN đề nghị tiến độ vào vận hành năm 2026
5	NMNĐ Vân Phong 1	1.432	Khánh Hòa	2023-2024	
6	NMNĐ Long Phú I	1.200	Sóc Trăng	2025	

Bảng 3: Danh mục các dự án nhiệt điện than chậm tiến độ, gặp khó khăn trong thay đổi cổ đông, thu xếp vốn

TT	Dự án	Công suất (MW)	Giai đoạn	Ghi chú
1	NMNĐ Quảng Trị (*)	1.320	2021-2030	Bộ Công Thương làm việc với các nhà đầu tư, cho phép kéo dài đến tháng 6/2024 mà không triển khai được thì phải xem xét chấm dứt theo quy định của pháp luật.
2	NĐ Công Thanh (**)	600	2021-2030	
3	NMNĐ Nam Định I	1.200	2021-2030	
4	NMNĐ Vĩnh Tân III	1.980	2021-2030	
5	NMNĐ Sông Hậu II	2.120	2021-2030	

Ghi chú:

(*) Nhà đầu tư đã xin dừng dự án (Theo Văn bản EGATi 277/2023).

(**) Tỉnh/NĐT đề xuất chuyển đổi nhiên liệu sang sử dụng LNG.

Bảng 4: Kế hoạch phát triển nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp

TT	Tên nhà máy điện	Công suất (MW)	Tỉnh/TP	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
1	NĐ đồng phát Hải Hà 1	300	Quảng Ninh	2025-2026	Theo văn bản 1939/SCT-QLNL ngày 29/6/2023 của Sở Công Thương Quảng Ninh
2	NĐ đồng phát Hải Hà 2	600	Quảng Ninh	2031-2035	Giai đoạn 2031-2035
3	NĐ đồng phát Hải Hà 3	600	Quảng Ninh	2031-2035	Giai đoạn 2031-2035
4	NĐ đồng phát Hải Hà 4	600	Quảng Ninh	2031-2035	Giai đoạn 2031-2035
5	NĐ đồng phát Đức Giang	100	Lào Cai	2027	
6	Formosa HT2	650	Hà Tĩnh	2026	
7	NĐ khí dư Hòa Phát II	300	Quảng Ngãi	2025-2026	
8	Các dự án khác	Ưu tiên, khuyến khích phát triển loại hình này để sản xuất điện nhằm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Tổng công suất loại hình này được phát triển không giới hạn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiềm năng của các cơ sở công nghiệp.			

Bảng 5: Kế hoạch phát triển các nhà máy nhiệt điện khí trong nước

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
1	Nhiệt điện Ô Môn I*	660	Cần Thơ	Đã vận hành	Sử dụng khí Lô B
2	NMNĐ Ô Môn II	1.050	Cần Thơ	2027	
3	NMNĐ Ô Môn III	1.050	Cần Thơ	2027	
4	NMNĐ Ô Môn IV	1.050	Cần Thơ	2027	
5	TBKHH Dung Quất I	750	Quảng Ngãi	2028	Sử dụng khí Cá Voi Xanh
6	TBKHH Dung Quất II	750	Quảng Ngãi	2028	
7	TBKHH Dung Quất III	750	Quảng Ngãi	2028	
8	TBKHH Miền Trung I	750	Quảng Nam	2028	
9	TBKHH Miền Trung II	750	Quảng Nam	2029	
10	TBKHH Quảng Trị	340	Quảng Trị	2030	Sử dụng khí mỏ Báo Vàng

Ghi chú:

- (*) Nhà máy điện hiện có chuyển sang sử dụng khí Lô B;
- Quy mô chính xác của các nhà máy điện sẽ được xác định cụ thể, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong giai đoạn triển khai dự án.
- Khi trữ lượng và tiến độ mở khí Kèn Bàu được xác định rõ, định hướng sẽ phát triển thêm các nguồn điện sử dụng khí Kèn Bàu tại khu vực Hải Lăng - Quảng Trị, Chân Mây - Thừa Thiên Huế (đang dự kiến giai đoạn 2031-2035).

Bảng 6: Kế hoạch phát triển các nguồn thủy điện vừa và lớn

TT	Tên nhà máy điện	Công suất (MW)	Tỉnh/TP	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
1	TĐ Hòa Bình MR	480	Hòa Bình	2025	Đang thi công
2	TĐ Long Tạo	44	Điện Biên	-	Đã vận hành
3	TĐ Yên Sơn	90	Tuyên Quang	2024	Đang thi công
4	TĐ Sông Lô 6	60	Hà Giang	-	Đã vận hành
5	TĐ Sông Lô 7	36	Tuyên Quang	2023	Đang thi công
6	TĐ Pắc Ma	160	Lai Châu	-	Đã vận hành
7	TĐ Nậm Cùm 1,4,5	95,8	Lai Châu	2023	Đang thi công
8	TĐ Nậm Cùm 2,3,6	79,5	Lai Châu	2023	Đang thi công
9	TĐ Thanh Sơn	40	Đồng Nai	2026	Đang điều chỉnh quy hoạch
10	TĐ Cẩm Thủy 2	38	Thanh Hóa	2024	
11	TĐ Suối Sập 2A	49,6	Sơn La	-	Đã vận hành
12	TĐ Hồi Xuân	102	Thanh Hóa	2024	Đang thi công
13	TĐ Sông Hiếu (Bản Mòng)	45	Nghệ An	2023	Đang thực hiện
14	TĐ Mỹ Lý	120	Nghệ An	2026	
15	TĐ Nậm Mô 1	51	Nghệ An	2026	
16	TĐ Đăk Mi 2	147	Quảng Nam	-	Đã vận hành
17	TĐ Sông Tranh 4	48	Quảng Nam	-	Đã vận hành
18	TĐ Ialy MR	360	Gia Lai	2024	Đang thi công
19	TĐ Đăk Mi 1	84	Kon Tum	2024	

TT	Tên nhà máy điện	Công suất (MW)	Tỉnh/TP	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
20	TĐ Thượng Kon Tum	220	Kon Tum	-	Đã vận hành
21	TĐ Trị An MR	200	Đồng Nai	2026	Đang triển khai
22	TĐ Phú Tân 2	93	Đồng Nai	2023	Đang triển khai
23	TĐ Đức Thành	40	Bình Phước	2026	Đang thi công
24	TĐ La Ngâu (**)	46	Bình Thuận	2026	Đang thi công
25	TĐ cột nước thấp Phú Thọ	105	Phú Thọ	2026	

Ghi chú:

(*) Dự án thủy điện Mỹ Lý (180 MW), Nậm Mô 1 (90 MW) đã được phê duyệt quy hoạch. Chủ đầu tư có Văn bản số 200/MLNM-TĐ ngày 24/8/2022 kiến nghị điều chỉnh công suất thủy điện Mỹ Lý xuống 120 MW và Nậm Mô 1 xuống 51 MW.

(**) Dự án thủy điện La Ngâu được phê duyệt trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh, đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND tỉnh Bình Thuận có Văn bản số 21/UBND-KT ngày 03/01/2020 đề nghị đưa dự án thủy điện La Ngâu ra khỏi quy hoạch. Bộ Công Thương đã có Văn bản số 1986/BCT-ĐL ngày 20/3/2020 đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận xử lý dứt điểm các nội dung nêu tại Thông báo số 193/TB-VPCP ngày 25/5/2018 của Văn phòng Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bảng 7: Kế hoạch phát triển thủy điện tích năng đến năm 2030

TT	Dự án	Tỉnh	Công suất (MW)	Năm vận hành yêu cầu	Ghi chú
1	TĐTN Bác Ái	Ninh Thuận	1.200	2028-2029	
2	TĐTN Phước Hòa	Ninh Thuận	1.200	2029-2030	
3	TĐTN Đông Phú Yên	Son La	900	2031-2035	
4	TĐTN Đơn Dương #1	Lâm Đồng	300	2031-2035	
	Các dự án khác		Một số địa phương đề xuất thêm các dự án thủy điện tích năng: Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Kon Tum, Khánh Hoà, Đắk Nông,... Tuy nhiên, số lượng các dự án, công suất, vị trí, sự cần thiết phải được tiếp tục đánh giá dựa trên nhu cầu hệ thống để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.		

Bảng 8: Công suất đặt nguồn điện gió ngoài khơi theo vùng đến năm 2030 (MW)

TT	Tên vùng	Điện gió ngoài khơi		
		Công suất lũy kế 2022	Công suất lũy kế 2025	Công suất lũy kế 2030
1	Bắc Bộ	0	0	2.500
2	Bắc Trung Bộ	0	0	0

TT	Tên vùng	Điện gió ngoài khơi		
		Công suất lũy kế 2022	Công suất lũy kế 2025	Công suất lũy kế 2030
3	Trung Trung Bộ	0	0	500
4	Nam Trung Bộ	0	0	2.000
5	Tây Nguyên	0	0	0
6	Nam Bộ	0	0	1.000
	Tổng công suất	0	0	6.000

Bảng 9: Quy mô nguồn điện mặt trời mái nhà theo từng tỉnh/thành phố

Vùng/tỉnh	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
Bắc Bộ	927
Hà Nội	47
TP. Hải Phòng	107
Hải Dương	70
Hưng Yên	62
Hà Nam	57
Nam Định	31
Thái Bình	32
Ninh Bình	23
Hà Giang	3
Cao Bằng	2
Lào Cai	28
Bắc Kạn	3
Lạng Sơn	25
Tuyên Quang	4
Yên Bái	26
Thái Nguyên	52
Phú Thọ	31
Vĩnh Phúc	59
Bắc Giang	86
Bắc Ninh	79
Quảng Ninh	73
Lai Châu	2
Điện Biên	1
Sơn La	5
Hòa Bình	19
Bắc Trung Bộ	231
Thanh Hóa	75
Nghệ An	54
Hà Tĩnh	74
Quảng Bình	28
Trung Trung Bộ	168

Vùng/tỉnh	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
Quảng Trị	23
Thừa Thiên Huế	33
TP. Đà Nẵng	30
Quảng Nam	43
Quảng Ngãi	39
Tây Nguyên	32
Kon Tum	7
Gia Lai	8
Đắk Lắk	8
Đắk Nông	9
Nam Trung Bộ	134
Bình Định	38
Phú Yên	18
Khánh Hòa	14
Ninh Thuận	21
Bình Thuận	38
Lâm Đồng	7
Nam Bộ	1107
TP. Hồ Chí Minh	73
Bình Phước	93
Tây Ninh	53
Bình Dương	185
Đồng Nai	229
Bà Rịa - Vũng Tàu	133
Long An	153
Đồng Tháp	16
An Giang	11
Tiền Giang	22
Vĩnh Long	16
Bến Tre	17
Kiên Giang	10
TP. Cần Thơ	29
Hậu Giang	28
Trà Vinh	10
Sóc Trăng	14
Bạc Liêu	2
Cà Mau	15
Toàn quốc	2.600

Bảng 10: Công suất điện gió trên bờ (trên đất liền và gần bờ) theo tỉnh/thành phố (Đơn vị: MW)

Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Bắc Bộ	0	3.816
Hà Nội	0	0
TP. Hải Phòng	0	2,3
Hải Dương	0	0
Hung Yên	0	0
Hà Nam	0	0
Nam Định	0	0
Thái Bình	0	70
Ninh Bình	0	0
Hà Giang	0	0
Cao Bằng	0	0
Lào Cai	0	0
Bắc Kạn	0	400
Lạng Sơn	0	1.444
Tuyên Quang	0	0
Yên Bái	0	200
Thái Nguyên	0	100
Phú Thọ	0	0
Vĩnh Phúc	0	0
Bắc Giang	0	500
Bắc Ninh	0	0
Quảng Ninh	0	400
Lai Châu	0	0
Điện Biên	0	300
Sơn La	0	400
Hòa Bình	0	0
Bắc Trung Bộ	252	2.200
Thanh Hóa	0	300
Nghệ An	0	70
Hà Tĩnh	0	700
Quảng Bình	252	1.130
Trung Trung Bộ	671	1.900
Quảng Trị	671	1.800
Thừa Thiên Huế	0	50
TP. Đà Nẵng	0	0
Quảng Nam	0	0
Quảng Ngãi	0	50
Tây Nguyên	1.039	4.100
Kon Tum	0	154
Gia Lai	561	1.842
Đắk Lắk	428	1.375
Đắk Nông	50	730
Nam Trung Bộ	944	3.064
Bình Định	77	250
Phú Yên	0	462
Khánh Hòa	0	102
Ninh Thuận	573	1.127
Bình Thuận	294	907
Lâm Đồng	0	217
Nam Bộ	1.080	6.800

Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
TP. Hồ Chí Minh	0	0
Bình Phước	0	0
Tây Ninh	0	0
Bình Dương	0	0
Đông Nai	0	0
Bà Rịa - Vũng Tàu	0	150
Long An	0	0
Đồng Tháp	0	0
An Giang	0	50
Tiền Giang	50	250
Vĩnh Long	0	0
Bến Tre	93	1.100
Kiên Giang	0	137
TP. Cần Thơ	0	0
Hậu Giang	0	100
Trà Vinh	257	1.130
Sóc Trăng	111	1.613
Bạc Liêu	469	1.210
Cà Mau	100	1.060
Toàn quốc	3.986	21.880

Bảng 11: Quy mô công suất thủy điện nhỏ theo địa phương (Đơn vị: MW)

Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Bắc Bộ	2.975	5.398
Hà Nội	0	0
TP. Hải Phòng	0	0
Hải Dương	0	0
Hưng Yên	0	0
Hà Nam	0	0
Nam Định	0	0
Thái Bình	0	0
Ninh Bình	0	0
Hà Giang	271	497
Cao Bằng	177	298
Lào Cai	711	940
Bắc Kạn	22	74
Lạng Sơn	35	90
Tuyên Quang	54	82
Yên Bái	308	582
Thái Nguyên	2	2
Phú Thọ	3	3
Vĩnh Phúc	0	0
Bắc Giang	0	0
Bắc Ninh	0	0
Quảng Ninh	4	4
Lai Châu	570	1.529
Điện Biên	160	456
Sơn La	620	797
Hòa Bình	38	47
Bắc Trung Bộ	431	634
Thanh Hóa	134	175
Nghệ An	240	299
Hà Tĩnh	44	86

Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Quảng Bình	14	74
Trung Trung Bộ	604	1.188
Quảng Trị	104	197
Thừa Thiên Huế	116	125
TP. Đà Nẵng	0	0
Quảng Nam	206	407
Quảng Ngãi	186	459
Tây Nguyên	796	1.407
Kon Tum	286	714
Gia Lai	281	353
Đắk Lắk	104	138
Đắk Nông	126	202
Nam Trung Bộ	529	899
Bình Định	82	156
Phú Yên	37	95
Khánh Hòa	35	47
Lâm Đồng	274	416
Ninh Thuận	90	134
Bình Thuận	12	52
Nam Bộ	60	104
TP. Hồ Chí Minh	0	0
Bình Phước	37	73
Tây Ninh	3	3
Bình Dương	18	18
Đồng Nai	0	8
Bà Rịa - Vũng Tàu	3	3
Long An	0	0
Đồng Tháp	0	0
An Giang	0	0
Tiền Giang	0	0
Vĩnh Long	0	0
Bến Tre	0	0
Kiên Giang	0	0
TP. Cần Thơ	0	0
Hậu Giang	0	0
Trà Vinh	0	0
Sóc Trăng	0	0
Bạc Liêu	0	0
Cà Mau	0	0
Toàn quốc	5.395	9.630

Bảng 12: Quy mô công suất điện sản xuất từ rác theo địa phương (Đơn vị: MW)

Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Bắc Bộ	62	493
Hà Nội	62	190
TP. Hải Phòng	0	38
Hải Dương	0	32
Hưng Yên	0	0
Hà Nam	0	0
Nam Định	0	15

Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Thái Bình	0	25
Ninh Bình	0	15
Hà Giang	0	0
Cao Bằng	0	0
Lào Cai	0	1
Bắc Kạn	0	1
Lạng Sơn	0	13
Tuyên Quang	0	0
Yên Bái	0	0
Thái Nguyên	0	10
Phú Thọ	0	18
Vĩnh Phúc	0	18
Bắc Giang	0	25
Bắc Ninh	0	37
Quảng Ninh	0	25
Lai Châu	0	0
Điện Biên	0	3
Sơn La	0	15
Hòa Bình	0	13
Bắc Trung Bộ	0	122
Thanh Hóa	0	50
Nghệ An	0	30
Hà Tĩnh	0	25
Quảng Bình	0	17
Trung Trung Bộ	0	60
Quảng Trị	0	0
Thừa Thiên Huế	0	12
TP. Đà Nẵng	0	15
Quảng Nam	0	18
Quảng Ngãi	0	15
Tây Nguyên	0	21
Kon Tum	0	0
Gia Lai	0	15
Đắk Lắk	0	6
Đắk Nông	0	0
Nam Trung Bộ	0	68
Bình Định	0	15
Phú Yên	0	13
Khánh Hòa	0	15
Lâm Đồng	0	15
Ninh Thuận	0	0
Bình Thuận	0	10
Nam Bộ	8	448
TP. Hồ Chí Minh	0	123
Bình Phước	0	20
Tây Ninh	0	10
Bình Dương	0	0
Đồng Nai	0	66
Bà Rịa - Vũng Tàu	0	30

Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Long An	0	17
Đồng Tháp	0	13
An Giang	0	25
Tiền Giang	0	10
Vĩnh Long	0	14
Bến Tre	0	18
Kiên Giang	0	23
TP. Cần Thơ	8	15
Hậu Giang	0	22
Trà Vinh	0	10
Sóc Trăng	0	16
Bạc Liêu	0	0
Cà Mau	0	16
Tổng	70	1.212

Ghi chú: Trường hợp các địa phương có nhu cầu phát triển thêm nguồn điện sản xuất từ rác, đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu, hiệu quả sử dụng đất cao, có yêu cầu xử lý môi trường, hạ tầng lưới điện cho phép, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý cần báo cáo Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bảng 13: Quy mô công suất điện sinh khối theo tỉnh/thành (Đơn vị: MW)

Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Bắc Bộ	34	465
Hà Nội	0	0
TP. Hải Phòng	0	0
Hải Dương	0	10
Hưng Yên	0	0
Hà Nam	0	0
Nam Định	0	0
Thái Bình	0	0
Ninh Bình	0	0
Hà Giang	0	0
Cao Bằng	0	0
Lào Cai	0	30
Bắc Kạn	0	70
Lạng Sơn	0	30
Tuyên Quang	25	55
Yên Bái	0	110
Thái Nguyên	0	10
Phú Thọ	0	20
Vĩnh Phúc	0	0
Bắc Giang	0	0
Bắc Ninh	0	0
Quảng Ninh	0	40
Lai Châu	0	10
Điện Biên	0	30
Sơn La	9	20
Hòa Bình	0	30
Bắc Trung Bộ	0	40

Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)
Thanh Hóa	0	10
Nghệ An	0	10
Hà Tĩnh	0	10
Quảng Bình	0	10
Trung Trung Bộ	0	6
Quảng Trị	0	0
Thừa Thiên Huế	0	0
TP. Đà Nẵng	0	0
Quảng Nam	0	6
Quảng Ngãi	0	0
Tây Nguyên	118	123
Kon Tum	0	5
Gia Lai	118	118
Đắk Lắk	0	0
Đắk Nông	0	0
Nam Trung Bộ	121	150
Bình Định	0	0
Phú Yên	31	60
Khánh Hòa	90	90
Lâm Đồng	0	0
Ninh Thuận	0	0
Bình Thuận	0	0
Nam Bộ	49	274
TP. Hồ Chí Minh	0	0
Bình Phước	0	15
Tây Ninh	37	37
Bình Dương	0	0
Đồng Nai	0	0
Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0
Long An	0	23
Đồng Tháp	0	10
An Giang	0	70
Tiền Giang	0	0
Vĩnh Long	0	10
Bến Tre	0	10
Kiên Giang	0	25
TP. Cần Thơ	0	0
Hậu Giang	0	20
Trà Vinh	0	0
Sóc Trăng	12	20
Bạc Liêu	0	10
Cà Mau	0	24
Tổng	322	1.057

Ghi chú: Trường hợp các địa phương có nhu cầu phát triển thêm nguồn điện sinh khối, đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu, hiệu quả sử dụng đất cao, có yêu cầu xử lý môi trường, hạ tầng lưới điện cho phép, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý cần báo cáo Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bảng 14: Danh mục dự án pin lưu trữ đến năm 2030 (Đơn vị: MW)

TT	Dự án	Công suất (MW)	Giai đoạn	Ghi chú
1	Dự án pin lưu trữ 50 MW	50	2021-2030	Theo Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 31/08/2023
2	Dự án pin lưu trữ 7 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 50 MW	7	2021-2030	
3	Dự án pin lưu trữ 105 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 400 MW	105	2021-2030	
4	Các dự án pin lưu trữ khác	138	2021-2030	

Bảng 15: Danh sách dự án thủy điện tiềm năng được nghiên cứu phát triển đến năm 2030

TT	Tên dự án	Công suất (MW)
1	TĐ Thái An MR	41
2	TĐ Tuyên Quang MR	120
3	TĐ Trung Sơn MR	130
4	TĐ Srepok 3 MR	110
5	TĐ Sesan 3 MR	130
6	TĐ Sesan 4 MR	120
7	TĐ Buôn Kuốp MR	140
8	TĐ Vĩnh Sơn MR	40
9	TĐ Sông Hình MR	70
10	TĐ Sông Ba Hạ MR	60
11	TĐ Đa Nhim MR 2	80
12	TĐ Đăk R'láp 1 (*)	53
13	TĐ Đăk R'láp 2 (*)	68
14	TĐ Đăk R'láp 3 (*)	82

Ghi chú:

- Các dự án thủy điện cột nước thấp trên dòng chính sông Hồng, sông Cả, sông Đồng Nai và các dòng sông khác do các địa phương (Lào Cai, Yên Bái, Nghệ An, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Nông, ...) đề xuất sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng toàn diện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai nếu đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - kỹ thuật, môi trường, dân cư, hạ tầng dọc sông, tưới tiêu, giao thông thủy - bộ,...

- Các dự án thủy điện mở rộng khác do các địa phương đề xuất sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường, nhu cầu hệ thống, thời điểm xuất hiện, ... để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(*) Các dự án thủy điện Đăk R'láp 1, Đăk R'láp 2 và Đăk R'láp 3 phải được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đất đai, ảnh hưởng đến rừng của dự án.

Bảng 16: Điện mặt trời xem xét sau năm 2030 được triển khai trong thời kỳ quy hoạch nếu thực hiện theo hình thức tự sản, tự tiêu (MW)

TT	Dự án	Tỉnh	Công suất chưa vận hành (MW)
1	ĐMT An Cư	An Giang	40
2	ĐMT Hồng Liêm 6.1	Bình Thuận	40
3	ĐMT Ayun Pa	Gia Lai	20
4	ĐMT Ninh Sim	Khánh Hòa	32
5	ĐMT Ia Rsum - Bitexco - TôNa	Gia Lai	11,84
6	ĐMT Đầm An Khê	Quảng Ngãi	40
7	ĐMT Đầm Nước Mặn	Quảng Ngãi	40
8	Lộc Thạnh 1-1	Bình Phước	40
9	ĐMT Hải Lý Bình Phước 1	Bình Phước	40
10	Sông Bình	Bình Thuận	200
11	ĐMT Tân Xuân	Bình Thuận	23,61
12	ĐMT Easup 1	Đắk Lắk	40
13	ĐMT Ia Lốp 1	Đắk Lắk	40
14	KN Buôn Tua Srah	Đắk Nông	312
15	Cư Knia	Đắk Nông	144
16	Ea Tling	Đắk Nông	76
17	Xuyên Hà	Đắk Nông	104
18	ĐMT nổi KN Trị An	Đồng Nai	928
19	Trị An	Đồng Nai	101
20	ĐMT Phước Trung	Ninh Thuận	40
21	ĐMT Phước Hữu 2	Ninh Thuận	184
22	ĐMT Xanh Sông Cầu	Phú Yên	150
23	ĐMT hồ Khe Gỗ	Nghệ An	200
24	ĐMT nổi hồ Vực Mầu	Nghệ An	160
25	ĐMT Tam Bó	Lâm Đồng	40
26	Phong Hòa	Thừa Thiên Huế	40
27	Phần còn lại dự án Dầu Tiếng	Tây Ninh	1.050
	Tổng công suất		4.136,25

Bảng 17: Danh mục các đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật

TT	Đề án/dự án	Dự kiến giai đoạn thực hiện	
		2021-2025	2026-2030
1	Xây dựng khung giá nhập khẩu điện từ Lào	x	
2	Xây dựng khung giá các loại hình nguồn điện	x	
3	Xây dựng cơ chế mua bán điện trực tiếp	x	
4	Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời phân tán/áp mái với mục đích tự sản, tự tiêu	x	
5	Xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi)	x	

TT	Đề án/dự án	Dự kiến giai đoạn thực hiện	
		2021-2025	2026-2030
6	Xây dựng Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi)	x	
7	Xây dựng cơ chế phát triển thị trường tín chỉ các-bon	x	

Bảng 18: Danh mục các đề án/dự án tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển

TT	Đề án/dự án	Dự kiến giai đoạn thực hiện	
		2021-2025	2026-2030
1	Trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới	x	x
2	Trung tâm nghiên cứu năng lượng và biến đổi khí hậu	x	x
3	Trung tâm nghiên cứu phát triển điện hạt nhân	x	x
4	Đề án hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng	x	x

Bảng 19: Danh mục các đề án/dự án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

TT	Đề án/dự án	Dự kiến giai đoạn thực hiện	
		2021-2025	2026-2030
1	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ HVDC, các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
2	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ hydro và các loại hình năng lượng mới	x	x
3	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện gió ngoài khơi	x	x
4	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
5	Các chương trình trao đổi kinh nghiệm quốc tế về lập quy hoạch năng lượng, vận hành hệ thống điện	x	x
6	Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng	x	x

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Bảng 1: Danh mục các công trình xây mới và cải tạo trạm biến áp truyền tải 500 kV giai đoạn tới năm 2030

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc							
1	Tây Hà Nội	1.800	Cải tạo	x		x		
2	Long Biên	1.800	Xây mới		x	x		
3	Sơn Tây	900	Xây mới		x	x		
4	Đan Phượng	1.800	Xây mới		x	x		
5	Nam Hà Nội	900	Xây mới		x	x		
6	Hải Phòng	1.800	Xây mới		x	x		
7	Gia Lộc	900	Xây mới		x	x		
8	Phố Nối	1.800	Cải tạo		x	x		
9	Hung Yên	900	Xây mới		x	x		
10	Nam Định	2.700	Xây mới		x	x		Dự phòng quỹ đất cho trạm 220kV nối cấp trong tương lai.
11	Thái Bình	1.200	Xây mới	x		x		
12	Nho Quan	1.800	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
13	Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Đầu nối nguồn điện Lào
14	Lào Cai	2.700	Xây mới	x		x		Cân nhắc lắp máy 3 theo tình hình phát triển thủy điện nhỏ và mua điện Trung Quốc
15	Thái Nguyên	900	Xây mới		x	x		
16	Việt Trì	1.800	Cải tạo		x	x		
17	Vĩnh Yên	1.800	Xây mới	x		x		
18	Bắc Giang	900	Xây mới		x	x		
19	Yên Thế	900	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
20	Bắc Ninh	1.800	Xây mới		x	x		
21	Quảng Ninh	1.200	Cải tạo	x		x		
22	Lai Châu	2.700	Cải tạo	x		x		Máy 1,2 (2x900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 3 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030 Đồng bộ nguồn điện khu vực và nguồn nhập khẩu từ Lào
23	Sơn La	2.700	Cải tạo		x	x		
24	Hòa Bình	1.800	Cải tạo		x	x		
25	Thanh Hóa	1.800	Xây mới	x		x		Gđ 2021-2025: 1200 MVA Gđ 2026 - 2030: 1800 MVA
26	Nghi Sơn	1.800	Cải tạo		x	x		
27	Nam Cẩm	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Trạm cắt 500 kV, đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan (mới)
28	Quỳnh Lưu	1.800	Xây mới	x		x		
29	Bắc Bộ 1 (**)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
30	Bắc Bộ 2 (**)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
31	Bắc Bộ 3 (**)	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
32	Lạng Sơn (*)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
II	Miền Trung							
1	Lao Bảo (Hương Hóa)	1.800	Xây mới		x	x		Giải phóng nguồn điện khu vực. Kiến nghị thiết kế dự phòng đất mở rộng quy mô trong tương lai
2	Trạm cắt Quảng Trị 2	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp mạch 3,4 (Quảng Trạch - Đốc Sỏi)
3	Quảng Trị	900	Xây mới	x		x		
4	Quảng Bình (*)	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ nguồn điện khu vực
5	Thạnh Mỹ	1.800	Cải tạo		x	x		
6	Đốc Sỏi	1.200	Cải tạo	x		x		
7	Bình Định	900	Xây mới		x	x		Chống quá tải, giải phóng nguồn điện khu vực
8	Vân Phong	1.800	Xây mới		x	x		Đầu nối vào SPP NMNĐ Vân Phong I
9	Pleiku 2	1.800	Cải tạo	x		x		Chống quá tải, giải tỏa công suất nguồn
10	Krông Buk	1.800	Xây mới	x		x		Chống quá tải, giải tỏa công suất nguồn
11	Đắk Nông	1.800	Cải tạo	x		x		
12	Đà Nẵng	1.800	Cải tạo		x	x		
13	Dung Quất	900	Xây mới		x	x		Xem xét xây dựng trước sân phân phối 220 kV Dung Quất và đường dây đầu nối 220 kV cấp điện TBA 220 kV Dung Quất 2 trong giai đoạn 2021-2025

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
14	Kon Tum	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Trạm cắt 500 kV đầu nối điện Lào trong trường hợp tăng cường nhập khẩu điện Nam Lào
15	Nhon Hòa	1.800	Xây mới	x			x	Dự kiến vào vận hành Máy 1 giai đoạn 2024-2025.
III	Miền Nam							
1	Ninh Sơn	1.800	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
2	Sơn Mỹ	900	Xây mới		x		x	MBA liên lạc trong TTDL Sơn Mỹ, đồng bộ với NMNĐ Sơn Mỹ II
3	Hồng Phong (*)	900	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Nam Trung Bộ 1 (*)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
5	Nam Trung Bộ 2 (*)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Củ Chi	1.800	Xây mới	x		x		Máy 1 (900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030
7	Tây Ninh 1	1.800	Xây mới		x	x		
8	Tây Ninh 2	900	Xây mới		x	x		
9	Bình Dương 1	1.800	Xây mới	x		x		
10	Long Thành	1.800	Cải tạo		x	x		
11	Đồng Nai 2	1.800	Xây mới	x		x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
12	Bắc Châu Đức	1.800	Xây mới		x	x		
13	Long An	1.800	Xây mới	x		x		
14	Tiền Giang	900	Xây mới		x	x		
15	Thốt Nốt	1.800	Xây mới	x		x		Máy 1 (900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030
16	Long Phú	1.500	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
17	Bạc Liêu (*)	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
18	Di Linh	1.800	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
19	Thuận Nam	2.700	Cải tạo		x		x	Giải tỏa nguồn điện khu vực
20	Nhà Bè	1.800	Cải tạo	x		x		
21	Cầu Bông	2.700	Cải tạo		x	x		
22	Chơn Thành	1.800	Cải tạo	x		x		
23	Tân Uyên	2.700	Cải tạo		x	x		
24	Tân Định	2.700	Cải tạo		x	x		
25	Sông Mỹ	2.700	Cải tạo	x		x		
26	Phú Mỹ	900	Cải tạo		x	x		
27	Đức Hòa	1.800	Cải tạo	x		x		
28	Ô Môn	1.800	Cải tạo	x		x		
29	Duyên Hải	900	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
30	Nam Bộ 1 (*)	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
31	Nam Bộ 2 (*)	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ

Bảng 2: Danh mục các công trình xây mới và cải tạo đường dây truyền tải 500 kV giai đoạn tới năm 2030

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc									
1	Tây Hà Nội - Thường Tín	2	x	40	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 500 kV Tây Hà Nội
2	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
3	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng
4	NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	2	x	123	Xây mới	x		x		
5	NMNĐ Nam Định I - Thanh Hóa	2	x	73	Xây mới	x		x		
6	Thái Bình - Rẽ NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình
7	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa TĐN và dự phòng mua điện Trung Quốc
8	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên
9	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
10	Đầu nối TĐ Hòa Bình MR	2	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR, chuyển tiếp Hòa Bình - Nho Quan
11	Thanh Hóa - Rẽ Nho Quan - Hà Tĩnh	2	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối tạm TBA 500 kV Thanh Hóa, đảm bảo cấp điện
12	NĐ Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	5	Xây mới		x	x		Đồng bộ NĐ Công Thanh
13	Quỳnh Lưu - Thanh Hóa	2	x	91	Xây mới	x		x		Tăng cường năng lực truyền tải Bắc Trung Bộ - Bắc Bộ, thay thế cho đường dây NĐ Quỳnh Lập - Thanh Hóa
14	Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	2	x	226	Xây mới	x		x		Tăng cường năng lực truyền tải Bắc Trung Bộ - Bắc Bộ, thay thế cho đường dây 500kV NĐ Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập
15	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (M3,4)	2	x	16	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2
16	Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	33	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
17	Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Long Biên
18	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	44	Xây mới		x	x		
19	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội
20	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng
21	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây
22	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
23	Hung Yên - Rẽ LNG Nghi Sơn - Long Biên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hung Yên
24	Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2
25	Sam Nuea - Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới		x	x		Đầu nối nguồn điện Lào, chiều dài trên lãnh thổ Việt Nam khoảng 110km
26	Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TĐ Lào
27	Lạng Sơn - Rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên (*)	4	x	5	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐD 500 kV Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên chậm tiến độ, xây dựng trước ĐD 500kV mạch kép Lạng Sơn - Yên Thế dài 110 km do nhà nước đầu tư.
28	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	34	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Thái Nguyên
29	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới		x	x		
30	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Giang
31	Yên Thế - rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Yên Thế. Trường hợp ĐD 500 kV Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên chậm tiến độ, xây dựng trước ĐD 500kV mạch kép Yên Thế - Thái Nguyên dài 70 km.

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
32	LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới		x	x		
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo		x	x		Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch, xem xét chuyển đầu nối vào Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2
34	Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	2	x	12	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp trên đường dây mạch đơn Vũng Áng - Nho Quan
35	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Quảng Trạch II
36	Bắc Bộ 1 - Hải Phòng (*)	2	x	25	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
37	Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên (*)	2	x	250	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp TBA 500kV Lạng Sơn triển khai trước, xây mới đường dây 500kV mạch kép Bắc Bộ 3 - Lạng Sơn dài 80 km do nhà nước đầu tư.
38	Bắc Bộ 2 - Thái Bình (*)	2	x	50	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
39	LNG Nghi Sơn - Long Biên	2	x	212	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Nghi Sơn
40	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	25	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Quỳnh Lập
41	Đầu nối LNG miền Bắc (Quỳnh Lập/Nghi Sơn)			40	Xây mới		x	x		Dự kiến xây dựng LNG Quỳnh Lập, xây dựng ĐD 500 kV LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu đồng bộ LNG Quỳnh Lập

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
42	Đầu nối TBA 500kV Quỳnh Lưu	4	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp trên đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu – Thanh Hóa. (do đầu tư trước đoạn Quảng Trạch – Thanh Hóa). Nằm trong khối lượng đường dây 500kV dự phòng.
II	Miền Trung									
1	Quảng Trạch - Dốc Sỏi	2	x	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
2	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4	x	6	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Quảng Trị
3	Trạm cắt Quảng Trị 2 - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt Quảng Trị 2
4	Lao Bảo - Trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2	2	x	31	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Lao Bảo
5	Quảng Bình - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trị (*)	4	x	5	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 500 kV Quảng Bình
6	Monsoon - Thạnh Mỹ	2	x	45	Xây mới	x		x		Đồng bộ ĐG Monsoon (Lào)
7	Thanh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Thạnh Mỹ
8	TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	2	x	8	Xây mới		x	x		
9	TBKHH Dung Quất - Bình Định	2	x	200	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TBKHH Dung Quất. Thay thế cho ĐD 500kV TBKHH Miền Trung - KrongBuk trong QHĐ VII ĐC
10	Bình Định - Krong Buk	2	x	216	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBA 500 kV Bình Định.
11	NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	2	x	157	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đồng bộ NMNĐ Vân Phong I

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
12	TĐ Ialy MR - TĐ Ialy	1	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Ialy MR
13	Nhon Hòa - Rẽ Pleiku - Đắc Nông	2	x	4	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 500 kV Nhon Hòa để gom các nhà máy NLTT bao gồm NMDG Nhon Hòa 1 (50 MW), Nhon Hòa 2 (50 MW) và các nguồn NLTT lân cận. Phê duyệt theo Văn bản số 323/TTg-CN ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 1301/BCT-ĐL ngày 11/3/2021 của Bộ Công Thương
14	Krông Buk - Rẽ Pleiku 2 - Chơn Thành	4	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TBA 500 kV Krông Buk
15	NMND Quảng Trị - Quảng Trị	2	x	17	Xây mới		x	x		
16	Cụm NMD Xebanghieng (Lào) - 500 kV Lao Bảo	2	x	20	Xây mới		x	x		Đồng bộ cụm NMD Xebanghieng (Lào), toàn tuyến 45km, phần trên lãnh thổ Việt Nam 20km
17	TBKHH Miền Trung - Đốc Sỏi	2	x	18	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBKHH Miền Trung
18	Vân Phong - Bình Định	2	x	224	Xây mới		x	x		
19	Hatsan (Lào) - Kon Tum	2	x	100	Xây mới		x	x		Trường hợp tăng cường mua điện Lào
20	Kon Tum - Rẽ Thạnh Mỹ - Pleiku 2	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt 500 kV Kon Tum, trường hợp tăng cường mua điện từ Lào

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
21	Cải tạo Thanh Mỹ - Pleiku 2 thành 2 mạch	2	x	199	Xây mới		x	x		Cải tạo mạch 1, chuyển đầu nối vào trạm biến áp 500 kV Pleiku. Tăng cường năng lực truyền tải, dự phòng đầu nối nguồn điện từ Lào
22	Krông Buk - Tây Ninh 1	2	x	313	Xây mới		x	x		
23	Mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	2	x	100	Xây mới		x	x		Xây mới mạch 2, cải tạo mạch 1, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ Dốc Sỏi, chuyển đầu nối mạch 2 về TBKHH Miền Trung
24	LNG Hải Lăng - NMNĐ Quảng Trị	2	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Hải Lăng GD 1, trường hợp NMNĐ Quảng Trị chậm tiến độ, xây trước ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị dài khoảng 23km đầu nối LNG Hải Lăng GD 1.
III	Miền Nam									
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4	x	18	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	x	275	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2	x	16	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Củ Chi

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
4	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
5	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2	x	35	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
6	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2	x	17	Xây mới		x	x		Tạo mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực Đông Nam Bộ
7	Long Thành - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	2	x	17	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 500 kV Long Thành
8	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	5	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐĐ 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên
9	NMĐ Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2	x	4	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 4; kiến nghị lựa chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với tiết diện ĐĐ 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè sau cải tạo nâng khả năng tải
10	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây và Phú Mỹ - Long Thành	4	x	11	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức
11	Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2)	2	x	97	Xây mới	x		x		Đồng bộ NĐ Sông Hậu I; Giai đoạn 1 đã hoàn thành năm 2020
12	Đức Hòa - Chơn Thành	2	x	104	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối Mỹ Tho - Chơn Thành
13	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐĐ 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
14	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Long An
15	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới	x		x		Tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTĐL Ô Môn
16	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Bạc Liêu
17	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam
18	Đầu nối TĐTN Nam Trung Bộ			30	Xây mới		x	x		Đầu nối TĐTN Phước Hòa, xem xét đầu nối về trạm 500 kV Ninh Sơn bằng đường dây mạch kép dài khoảng 20 km
19	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	x	30	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Cà Ná. Kiến nghị thiết kế sân phân phối 500 kV LNG Cà Ná với sơ đồ vận hành linh hoạt, có phân đoạn thanh cái
20	LNG Cà Ná - Bình Dương 1	2	x	280	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Cà Ná; giải tỏa công suất LNG Cà Ná và nguồn điện khu vực
21	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây (*)	4	x	10	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
22	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2	x	80	Xây mới		x	x		Đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II
23	Nam Trung Bộ 1 - Thuận Nam (*)	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
24	Nam Trung Bộ 2 - Thuận Nam (*)	2	x	50	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
25	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây	1	x	58	Cải tạo		x	x		Đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
26	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mây	1	x	92	Cải tạo		x	x		Đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
27	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mây	2	x	17	Xây mới		x	x		Tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây sau cải tạo nâng khả năng tải
28	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMD Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2	x	43	Cải tạo		x	x		Tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
29	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	4	x	30	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 500 kV Tây Ninh 2, xem xét đầu chuyển tiếp trước 1 mạch
30	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tiền Giang
31	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới		x	x		Đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu; xem xét phương án cải tạo lắp thêm các máy cắt phân đoạn thanh cái tại sân phân phối 500 kV Đức Hòa và vận hành tách thanh cái theo hướng truyền tải trực tiếp công suất từ Thốt Nốt đi Cầu Bông; hoặc xây dựng ĐD 500

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										kV Thốt Nốt - Đức Hòa chuyển đầu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch
32	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo		x	x		Đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu, giải tỏa LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ
33	TBA 500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bạc Liêu
34	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III		x	x		Đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III
35	NMNĐ Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sông Hậu II		x	x		Đồng bộ NMNĐ Sông Hậu II
36	Đầu nối trạm 500 kV Nam Bộ 1 (*)			150	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ
37	Đầu nối trạm 500 kV Nam Bộ 2 (*)			150	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ

Ghi chú: Giai đoạn 2031-2035, thực hiện các công trình đấu nối các nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư đã được nêu trong Quyết định số 500/QĐ-TTg:

- *Đấu nối LNG Long Sơn, dự kiến khoảng 72 km đường dây 500 kV,*
- *Đấu nối LNG Long An II, dự kiến khoảng 30 km đường dây 500 kV,*
- *Đấu nối TĐTN Đông Phù Yên, dự kiến khoảng 140 km đường dây 500 kV,*
- *Đấu nối TĐTN Đơn Dương #1, dự kiến khoảng 72 km đường dây 500 kV.*

Bảng 3: Danh mục các công trình xây mới và cải tạo trạm biến áp truyền tải 220 kV giai đoạn tới năm 2030

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc							
1	Vân Trì	750	Cải tạo	x		x		
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo		x	x		
3	Long Biên	750	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
4	Thanh Xuân	750	Xây mới	x		x		
5	Đại Mỗ (Mỹ Đình)	750	Xây mới	x		x		
6	Hòa Lạc	500	Xây mới		x	x		
7	Mê Linh	500	Xây mới	x		x		
8	Văn Điển	750	Xây mới	x		x		
9	Long Biên 2 (Gia Lâm)	750	Xây mới		x	x		
10	Sóc Sơn 2	500	Xây mới		x	x		
11	Phú Xuyên	500	Xây mới		x	x		
12	Hòa Lạc 2	500	Xây mới		x	x		
13	Đan Phượng nối cấp	500	Xây mới		x	x		Nối cấp trạm 500 kV Đan Phượng
14	Chương Mỹ	250	Xây mới		x	x		
15	Cầu Giấy	500	Xây mới		x	x		
16	Hai Bà Trưng	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
17	Ứng Hòa	500	Xây mới		x	x		
18	Vật Cách	500	Cải tạo		x	x		
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo		x		x	
20	Thủy Nguyên	500	Cải tạo	x		x		
21	Dương Kinh	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
22	An Lão	500	Xây mới		x	x		Xem xét máy 3 nếu cần thiết
23	Cát Hải	500	Xây mới		x	x		
24	Đại Bản	250	Xây mới		x	x		
25	Đồ Sơn	250	Xây mới		x	x		
26	Tiên Lãng	250	Xây mới		x	x		
27	Gia Lộc	500	Xây mới	x		x		
28	Tân Việt	500	Xây mới		x	x		
29	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo		x	x		
30	Thanh Hà	250	Xây mới		x	x		
31	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo		x	x		
32	Tứ Kỳ	250	Xây mới		x	x		
33	Nhị Chiểu	250	Xây mới		x	x		
34	Yên Mỹ	500	Xây mới	x		x		
35	Phố Nối 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): đã vận hành năm 2022 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025
36	Phố Cao	500	Xây mới	x		x		
37	Bãi Sậy	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
38	Hung Yên nối cấp (TP Hưng Yên)	250	Xây mới		x	x		
39	Văn Giang	250	Xây mới		x	x		
40	Đồng Văn	500	Xây mới		x	x		
41	Lý Nhân	500	Xây mới		x	x		
42	Hải Hậu	500	Xây mới	x		x		
43	Nam Định 3	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
44	Nam Định 2	250	Xây mới		x	x		
45	Nghĩa Hưng	250	Xây mới		x	x		
46	Thái Thụy	500	Cải tạo	x		x		
47	Vũ Thư	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
48	Quỳnh Phụ	250	Xây mới		x	x		
49	Thái Bình 500 kV nối cấp	250	Xây mới		x	x		
50	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo		x	x		
51	Ninh Bình 2	500	Xây mới		x	x		
52	Tam Điệp	250	Xây mới	x		x		
53	Gia Viễn	500	Xây mới		x	x		Thực hiện trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình. Xem xét xây dựng TBA 220kV Gia Viễn trước đảm bảo cấp điện khu vực
54	Bắc Quang	500	Xây mới	x		x		
55	Hà Giang	375	Cải tạo		x	x		
56	Cao Bằng	500	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
57	Bát Xát	500	Xây mới	x		x		
58	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		
59	Văn Bàn	250	Xây mới		x	x		
60	Bắc Hà	250	Xây mới		x		x	Lắp trong SPP NMTĐ Bắc Hà
61	Bắc Kạn	375	Cải tạo	x		x		
62	Đồng Mỏ	250	Xây mới	x		x		
63	Lạng Sơn	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): Đã hoàn thành năm 2022 Máy 2 (250 MVA): Đã hoàn thành tháng 7/2023 Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
64	Lạng Sơn 1 (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
65	Lạng Sơn 2 (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
66	Tuyên Quang	500	Cải tạo		x	x		
67	Nghĩa Lộ	250	Xây mới	x		x		Xét xét lắp máy 2 theo tình hình phát triển TĐN của khu vực
68	Lục Yên	250	Xây mới	x		x		
69	Yên Bái	500	Cải tạo		x	x		
70	Lưu Xá	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
71	Sông Công	250	Xây mới		x	x		
72	Phú Bình 2	750	Xây mới		x	x		
73	Đại Từ	250	Xây mới		x	x		
74	Bắc Giang 1 (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
76	Phú Thọ 2	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
77	Phú Thọ 3	250	Xây mới		x	x		
78	Vĩnh Tường	500	Cải tạo	x		x		
79	Bá Thiện	500	Xây mới	x		x		
80	Phúc Yên	250	Xây mới		x	x		
81	Chân Hưng	250	Xây mới		x	x		
82	Tam Dương	500	Xây mới		x	x		
83	Yên Dũng	500	Xây mới		x	x		
84	Lạng Giang	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
85	Hiệp Hòa 2	250	Xây mới		x	x		
86	Bắc Giang 500 kV nối cấp	250	Xây mới		x	x		
87	Việt Yên	250	Xây mới		x	x		
88	Tân Yên	250	Xây mới		x	x		
89	Bắc Ninh 6	500	Xây mới		x	x		
90	Bắc Ninh 4	500	Xây mới		x	x		
91	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		
92	Bắc Ninh 7	250	Xây mới		x	x		
93	Bắc Ninh 5	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
94	Tràng Bạch	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
95	Hoành Bồ	500	Cải tạo		x	x		
96	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo		x	x		
97	Hải Hà	500	Cải tạo		x	x		
98	Yên Hưng	750	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): Đã hoàn thành năm 2022 Máy 2 (250 MVA): 2024 Máy 3 (250 MVA): Theo nhu cầu phát triển phụ tải
99	Cộng Hòa	250	Xây mới		x	x		
100	Khe Thản	126	Xây mới		x	x		Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
101	Móng Cái	250	Xây mới		x	x		
102	Cẩm Phả	500	Cải tạo		x	x		
103	Nam Hòa	500	Xây mới	x		x		
104	KCN Hải Hà	500	Xây mới		x	x		Máy 2 dự phòng phát triển cao KCN Hải Hà
105	Quảng Ninh 1 (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
106	Mường Tè	750	Cải tạo	x		x		
107	Than Uyên	750	Cải tạo	x		x		
108	Sìn Hồ	250	Xây mới		x	x		giải phóng TĐN
109	Phong Thổ	750	Xây mới	x		x		giải phóng TĐN Máy 1,2 (2x250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 3 (250 MVA): 2026-2030
110	Pắc Ma	750	Xây mới	x		x		Giải phóng TĐN Máy 1,2 (2x250 MVA): 2021-

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
								2025 Máy 3 (250 MVA): 2026-2030
111	Điện Biên	500	Xây mới	x		x		Giai đoạn 2021-2025: 250 MVA (2x125 MVA) Giai đoạn 2026-2030: 2x250 MVA
112	Điện Biên 1 (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
113	Mường La	500	Cải tạo		x	x		
114	Suối Sập 2A	200	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
115	Phù Yên	375	Xây mới		x		x	Cấp điện phụ tải chuyên dùng
116	Mộc Châu	250	Xây mới		x	x		
117	Sông Mã	250	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
118	Sơn La 1 (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
119	Yên Thủy	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành tháng 3/2023 Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030
120	Hòa Bình	500	Cải tạo		x	x		
121	Tân Lạc	250	Xây mới		x	x		
122	Bìm Sơn	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
123	Nông Công	500	Cải tạo		x	x		
124	KKT Nghi Sơn	750	Xây mới	x		x		Máy 1,2 (2x250 MVA): giai đoạn 2021-2025

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
								Máy 3 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
125	Tĩnh Gia	500	Xây mới		x	x		
126	Sầm Sơn	500	Xây mới	x		x		
127	Hậu Lộc	500	Xây mới		x	x		
128	Thiệu Hóa	250	Xây mới		x	x		Thay thế TBA 220 kV Thanh Hóa nổi cấp
129	Bá Thước	250	Xây mới		x	x		
130	Thanh Hóa 1 (*)	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
131	Đồng Vàng	500	Xây mới		x		x	
132	Thiệu Yên	250	Xây mới		x	x		
133	Tương Dương	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành năm 2022 Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030 Giải phóng công suất TĐN
134	Nam Cẩm	500	Xây mới	x		x		
135	Quỳ Hợp	250	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất TĐN
136	Đô Lương	500	Cải tạo	x		x		Máy 1 (250 MVA): đã hoàn thành năm 2022 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
137	Hà Tĩnh	500	Cải tạo	x		x		
138	Vũng Áng	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): 2024 Máy 2 (250 MVA): 2027 Thay máy 1 (250 MVA): 2030
139	Vũng Áng 2	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
140	Can Lộc	250	Xây mới		x	x		
141	Nghi Sơn 2	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
142	Hà Tĩnh 1 (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
II	Miền Trung							
1	Đông Hới	375	Cải tạo		x	x		
2	Lê Thủy (*)	500	Xây mới	x			x	Giải phóng công suất nguồn khu vực
3	Ba Đồn	500	Cải tạo		x	x		
4	Hướng Linh (*)	250	Xây mới	x			x	Giải phóng công suất nguồn khu vực
5	Hướng Tân (*)	500	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải phóng công suất nguồn khu vực
6	Đông Hà	500	Cải tạo	x		x		Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Thay máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
7	Đông Nam	250	Xây mới		x	x		
8	Lao Bảo	750	Cải tạo		x	x		
9	Phong Điền	375	Cải tạo		x	x		
10	Chân Mây	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): Giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (125 MVA): Giai đoạn 2026-2030
11	Hương Thủy	250	Xây mới		x	x		
12	Ngũ Hành Sơn	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
13	Hải Châu	250	Xây mới	x		x		
14	Liên Chiểu	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
15	Sân Bay Đà Nẵng	250	Xây mới		x	x		
16	Tiên Sa (An Đôn)	250	Xây mới		x	x		
17	Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc	Trạm cắt	Xây mới	x		x		Đấu nối thủy điện Lào
18	Duy Xuyên	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): Hoàn thành năm 2022 Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030
19	Tam Hiệp	250	Xây mới	x		x		
20	Thanh Mỹ	500	Cải tạo		x	x		
21	Tam Kỳ	500	Cải tạo		x	x		
22	Điện Bàn	250	Xây mới		x	x		
23	Nam Hội An	250	Xây mới		x	x		
24	Dung Quát 2	500	Xây mới	x		x		
25	Dốc Sỏi	500	Cải tạo		x	x		
26	Quảng Ngãi 2	250	Xây mới		x	x		
27	Nhon Hội	500	Xây mới		x	x		
28	Phước An	500	Cải tạo	x		x		
29	Phù Mỹ	375	Cải tạo		x	x		
30	Phù Mỹ 2	450	Xây mới		x		x	Đồng bộ tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
31	Tuy Hòa	500	Cải tạo	x		x		Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Thay máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
32	Sông Cầu	500	Xây mới		x	x		
33	Nam Phú Yên	250	Xây mới		x	x		
34	Vân Phong	500	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
35	Cam Ranh	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
36	Vạn Ninh	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
37	Cam Thịnh	250	Xây mới		x	x		
38	Trạm cắt 220 kV Bờ Y	Trạm cắt	Xây mới	x		x		Đóng điện tháng 4/2023 Trạm cắt, đấu nối thủy điện Lào
39	Bờ Y	250	Xây mới		x	x		
40	Kon Tum	500	Cải tạo	x		x		
41	TĐ Nước Long	175	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất cụm thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
42	Chư Sê	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành năm 2022 Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2021-2025
43	An Khê	250	Xây mới	x		x		
44	Pleiku 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x		x		
45	Krông Pa	250	Xây mới	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực, được đầu tư khi xuất hiện thêm các nguồn NLTT mới, phù hợp với tiềm năng của khu vực
46	Gia Lai 1 (*)	250	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
47	Krông Ana	375	Cải tạo		x	x		
48	Krông Buk 500 kV nối cấp (Cư M'Gar)	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
49	Ea Kar	250	Xây mới		x	x		
50	Đắk Nông	500	Cải tạo		x	x		
51	Đắk Nông 2	250	Xây mới		x	x		
52	Điện phân nhôm	1.184	Xây mới		x		x	TBA 220 kV Nhà máy điện phân nhôm, đồng bộ tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
III	Miền Nam							
1	Tà Năng (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
2	Trạm cắt Đa Nhim	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực, do trạm 220 kV TĐ Đa Nhim không mở rộng được ngăn lộ 220 kV
3	Cà Ná	500	Xây mới		x	x		
4	Đông Quán Thê	480	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
5	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới	x		x		
6	Vĩnh Hảo (*)	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
7	Hòa Thắng (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
8	Hồng Phong (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
9	Hàm Cường (*)	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
10	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
11	Tân Cảng	500	Xây mới	x		x		
12	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới	x		x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
13	Đầm Sen	500	Xây mới	x		x		
14	Thủ Thiêm	500	Xây mới	x		x		
15	Bình Chánh 1	500	Xây mới		x	x		
16	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới	x		x		
17	Quận 7	500	Xây mới	x		x		
18	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới		x	x		
19	Quận 9	500	Xây mới		x	x		
20	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới		x	x		
21	Phú Hòa Đông	250	Xây mới		x	x		
22	Bình Chánh 2	250	Xây mới		x	x		
23	Phước Long	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
24	Đông Bình Phước (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
25	Đông Xoài	250	Xây mới		x	x		
26	Tân Biên	500	Xây mới	x		x		
27	Phước Đông	500	Xây mới		x	x		
28	Bến Cầu	250	Xây mới		x	x		
29	Tây Ninh 3	250	Xây mới		x	x		
30	Tân Châu 1 (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
31	Bến Cát 2	500	Xây mới	x		x		Đảm bảo cung cấp điện khu vực
32	Tân Định 2	500	Xây mới	x		x		
33	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
34	Bình Mỹ	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
35	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới		x	x		
36	Lai Uyên	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
37	An Phước	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
38	Tam Phước	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
39	Thống Nhất	500	Xây mới		x	x		
40	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới	x		x		
41	Định Quán	500	Xây mới	x		x		
42	Long Khánh	500	Xây mới	x		x		
43	Hố Nai	500	Xây mới		x	x		
44	Dầu Giây	500	Xây mới		x	x		
45	Biên Hòa	500	Xây mới		x	x		
46	Đồng Nai 3 (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
47	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới	x		x		
48	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới	x		x		
49	Long Sơn	250	Xây mới	x		x		
50	Hòa Bình (*)	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
51	TP Phú Mỹ	250	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
52	Bến Lức	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
53	Đức Hòa 2	500	Xây mới	x		x		
54	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
55	Đức Hòa 3	500	Xây mới	x		x		
56	Tân Lập	250	Xây mới		x	x		
57	Cần Giuộc	250	Xây mới		x	x		
58	Lấp Vò	250	Xây mới	x		x		
59	Hồng Ngự	250	Xây mới		x	x		
60	Chợ Mới	250	Xây mới	x		x		
61	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới	x		x		
62	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới	x		x		Tên khác của trạm 220 kV Cái Bè trong QHĐ VII Điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
63	Gò Công	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
64	Vĩnh Long 3	500	Xây mới	x		x		
65	Bình Đại (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực.
66	Thạnh Phú (*)	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
67	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới	x		x		Tên khác của trạm 220 kV Vĩnh Thuận trong QHĐ VII điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
68	Phú Quốc	500	Xây mới		x	x		
69	Duyên Hải	250	Xây mới	x		x		
70	Trà Vinh 3 (*)	450	Xây mới		x		x	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
71	Cà Mau 3 (*)	450	Xây mới		x		x	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
72	Vĩnh Châu (*)	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
73	Trần Đề (*)	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
74	Bạc Liêu 3 (*)	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
75	Bạc Liêu 4 (*)	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
76	Năm Căn	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (2025 MVA): giai đoạn 2026-2030
77	Đức Trọng	500	Cải tạo		x	x		
78	Bảo Lộc	500	Cải tạo		x	x		
79	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo		x	x		
80	Phước Thái (*)	625	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
81	TĐ Hàm Thuận	125	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2021-2025	2026-2030			
82	TĐ Đại Ninh	250	Cải tạo		x	x		
83	Nhà Bè	750	Cải tạo	x		x		
84	Bình Tân	750	Cải tạo	x		x		
85	Chơn Thành 500 kV nối cấp	500	Cải tạo	x		x		
86	Tây Ninh 2	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
87	Tân Định	750	Cải tạo		x	x		
88	TĐ Trị An	500	Cải tạo	x		x		
89	Châu Đức	500	Cải tạo	x		x		
90	Bà Rịa	250	Cải tạo		x	x		
91	Cần Đước	500	Cải tạo	x		x		
92	Sa Đéc	500	Cải tạo	x		x		
93	Long Xuyên	500	Cải tạo	x		x		
94	Mỹ Tho	500	Cải tạo	x		x		
95	Cai Lậy	500	Cải tạo		x	x		
96	Mỏ Cày	500	Cải tạo		x	x		
97	Cần Thơ	500	Cải tạo	x		x		
98	Ô Môn	500	Cải tạo	x		x		
99	Thốt Nốt	375	Cải tạo		x	x		
100	Trà Nóc	500	Cải tạo		x	x		
101	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo		x	x		
102	Trà Vinh	500	Cải tạo		x	x		
103	Giá Rai	250	Cải tạo		x	x		
104	Bạc Liêu	375	Cải tạo		x	x		

Bảng 4: Danh mục các công trình xây mới và cải tạo đường dây truyền tải 220 kV giai đoạn tới năm 2030

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc									
1	Văn Điển – Rẽ Hà Đông – Thường Tín	4	x	4	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển, bao gồm chuyển đầu nối trạm Văn Điển hình thành Văn Điển - Hòa Bình; Văn Điển - Xuân Mai
2	Tây Hà Nội – Thanh Xuân	4	x	16	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
3	500 kV Đông Anh – Vân Trì	2	x	13	Xây mới		x	x		
4	Nâng khả năng tải Hòa Bình – Chèm	1	x	74	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành. Đảm bảo cấp điện Hà Nội
5	Nâng khả năng tải Hà Đông – Chèm	1	x	16	Cải tạo	x		x		Đảm bảo cấp điện Hà Nội
6	Đại Mỗ (Mỹ Đình) – Rẽ Tây Hà Nội – Thanh Xuân	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ
7	Mê Linh – Rẽ Sóc Sơn – Vân Trì	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh
8	500 kV Tây Hà Nội – Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc
9	Ứng Hòa – Rẽ Hà Đông – Phủ Lý	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
10	Mạch 2 Hà Đông – Ứng Hòa – Phủ Lý	2	x	40	Xây mới		x	x		Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
11	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa – Sóc Sơn	2	x	10	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
12	Nâng khả năng tải Hà Đông – Thường Tín	2	x	16	Cải tạo	x		x		
13	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây – Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo		x	x		Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đấu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
14	Long Biên – Mai Động	2	x	16	Xây mới	x		x		Xây mới, cáp ngầm
15	Long Biên 2 – Rẽ Mai Động – Long Biên	4	x	3	Xây mới		x	x		Đấu nối TBA 220 kV Long Biên 2
16	Nâng khả năng tải Thường Tín – Phố Nối	2	x	33	Cải tạo	x		x		Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
17	Nâng khả năng tải Xuân Mai – Hà Đông	1	x	25	Cải tạo		x	x		
18	Nâng khả năng tải Vân Trì – Tây Hồ – Chèm	2	x	20	Cải tạo		x	x		Đảm bảo cấp điện Hà Nội
19	An Lão – Rẽ Đồng Hòa – Thái Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đấu nối TBA 220 kV An Lão
20	Cát Hải – Đình Vũ	2	x	12	Xây mới		x	x		Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đấu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220kV Đình Vũ - Dương Kinh

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
21	Dương Kinh – Rẽ Đồng Hòa – Đình Vũ	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ
22	Nam Hòa – Cát Hải	2	x	12	Xây mới		x	x		
23	NĐ Hải Dương – Phố Nối 500 kV	2	x	60	Xây mới	x		x		
24	Gia Lộc – Rẽ NĐ Hải Dương – Phố Nối	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Gia Lộc
25	Bãi Sậy – Kim Động	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy
26	500 kV Hải Phòng – Gia Lộc	2	x	35	Xây mới		x	x		
27	Thanh Hà – Rẽ 500 kV Hải Phòng – Gia Lộc	2	x	7	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà
28	Tân Việt (Bình Giang) – Rẽ Gia Lộc – Phố Nối	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt
29	Yên Mỹ – Rẽ Phố Nối 500 kV – Thường Tín 500 kV	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Mỹ
30	Phố Cao – Rẽ Thái Bình – Kim Động	4	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Phố Cao
31	Mạch 2 Nho Quan – Phủ Lý	2	x	27	Xây mới	x		x		Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch
32	Lý Nhân – Rẽ Thanh Nghị – Thái Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân
33	Đồng Văn – Phủ Lý	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phủ Lý không mở rộng được ngăn lộ, xem xét

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phú Lý
34	NĐ Nam Định 500 kV – Ninh Bình 2	2	x	30	Xây mới		x	x		Dây phân pha tiết diện lớn
35	Hải Hậu – Trực Ninh	2	x	16	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu
36	NĐ Nam Định 500 kV – Hải Hậu	2	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV NĐ Nam Định
37	NĐ Nam Định 500 kV – Hậu Lộc	2	x	48	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV NĐ Nam Định
38	NĐ Nam Định 500 kV – Nam Định 3	2	x	18	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
39	Vũ Thư – Rẽ Thái Bình – Nam Định và Thái Bình – Ninh Bình	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư
40	Nâng khả năng tải Đồng Hòa – Thái Bình	2	x	53	Cải tạo	x		x		
41	Thái Bình 500 kV – Thanh Nghị	2	x	60	Xây mới		x	x		
42	Thái Bình 500 kV – Rẽ Thái Bình – Kim Động	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV
43	Tam Điệp – Rẽ Bim Sơn – Ninh Bình	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn
44	Gia Viễn – Rẽ Nho Quan 500 kV – Ninh Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
45	Gia Viễn – Nam Định	2	x	7	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình
46	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV – Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo		x	x		
47	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn – Tam Điệp – Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	Cải tạo		x	x		ĐD 220kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình
48	Ninh Bình 2 – Rẽ Ninh Bình – Thái Bình	2	x	19	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2
49	Bắc Quang – Rẽ Bảo Thắng – Yên Bái (Bắc Quang – Lục Yên)	2	x	43	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành tháng 7/2023. Đầu nối TBA 220 kV Bắc Quang, tăng cường mua điện Trung Quốc
50	Treo dây mạch 2 Hà Giang – Biên giới Việt Nam – Trung Quốc	1	x	30	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
51	Bắc Quang – Biên giới Việt Nam – Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
52	Nâng khả năng tải Hà Giang – Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang – Thái Nguyên	42	+	51	Cải tạo	x		x		Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
53	Treo dây mạch 2 Cao Bằng – Bắc Kạn	1	x	71	Xây mới	x		x		Treo dây mạch 2 Cao Bằng - Bắc Kạn
54	Lào Cai – Bảo Thắng	2	x	18	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
55	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái
56	Bát Xát – 500 kV Lào Cai	2	x	42	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát
57	Than Uyên – 500 kV Lào Cai	2	x	65	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ
58	TBA 500 kV Lào Cai – Biên giới Việt Nam – Trung Quốc	2	x	40	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
59	TĐ Bắc Hà – chuyên đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Xây mới		x	x		Giảm tải đường dây 220kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV
60	Bắc Giang – Lạng Sơn	2	x	102	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Lạng Sơn
61	Đồng Mỏ – Rẽ Bắc Giang – Lạng Sơn	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mỏ
62	TĐ Yên Sơn – Rẽ TĐ Tuyên Quang – Tuyên Quang	2	x	8	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐ Yên Sơn
63	Nâng khả năng tải Yên Bái – Việt Trì	2	x	67	Cải tạo	x		x		Cải tạo, nâng khả năng tải
64	Huội Quảng – Nghĩa Lộ	2	x	103	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
65	Nghĩa Lộ – Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
66	Lục Yên – Rẽ Lào Cai – Yên Bái	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Lục Yên
67	Chuyển đầu nối Bắc Quang – Lục Yên	2	x	1	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
68	Nâng khả năng tải Yên Bái – Tuyên Quang	2	x	36	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
69	Nâng khả năng tải Lục Yên – Yên Bái	2	x	58	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
70	500 kV Hiệp Hòa – Phú Bình 2	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
71	Sông Công – Rẽ Tuyên Quang – Phú Bình	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sông Công
72	Phú Bình 2 – Rẽ Thái Nguyên – Bắc Giang	2	x	13	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
73	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa – Phú Bình	1	x	10	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải mạch ACSR410
74	Nâng khả năng tải Thái Nguyên – Lưu Xá – Phú Bình	1	x	30	Cải tạo	x		x		
75	500 kV Việt Trì – Việt Trì	2	x	10	Cải tạo	x		x		
76	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì – Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo	x		x		
77	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì – Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo	x		x		
78	500 kV Việt Trì – Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	43	Xây mới	x		x		
79	Phú Thọ 2 – Rẽ Sơn La – Việt Trì	2	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2
80	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) – Rẽ Vĩnh Yên – Sóc Sơn	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220kV đến điểm giao cắt.
81	Tam Dương – Rẽ 500 kV Việt Trì – Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương
82	Vĩnh Yên 500 kV – Mê Linh	2	x	25	Xây mới		x	x		Thay thế cho đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện trong QHĐ 7 ĐC. Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên.
83	Mê Linh – Rẽ Sóc Sơn – Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối đường dây 220kV Vĩnh Yên 500kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì để hạn chế dòng ngắn mạch
84	Vĩnh Tường – Vĩnh Yên	2	x	8	Xây mới		x	x		Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên
85	Mạch 2 NĐ Phả Lại – Bắc Giang	2	x	27	Cải tạo	x		x		Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
86	Đầu nối NMNĐ An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMNĐ An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐD 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn
87	Lạng Giang – Rẽ Bắc Giang – Thái Nguyên	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang
88	Yên Dũng – Rẽ NĐ Phả Lại – Quang Châu	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
89	Bắc Ninh 4 – Đông Anh	2	x	11	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4
90	Bắc Ninh 5 – Rẽ Bắc Ninh 500 kV – Phố Nối	2	x	4	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5
91	Bắc Ninh 6 – Rẽ Phả Lại – 500 kV Phố Nối	2	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch
92	Bắc Ninh 500 kV – Rẽ Bắc Ninh 2 – Phố Nối	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV
93	Bắc Ninh 500 kV – Bắc Ninh 4	2	x	13	Xây mới		x	x		
94	Khe Thần – Rẽ Tràng Bạch – Hoàn Bò	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Khe Thần
95	Cộng Hòa – Rẽ Cẩm Phả – Hải Hà	2	x	2	Xây mới		x	x		Xây mới 04 mạch, treo trước 02 mạch, đầu nối TBA 220 kV Cộng Hòa
96	Yên Hưng – Rẽ NMD Uông Bí – Tràng Bạch	2	x	12	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Yên Hưng
97	Yên Hưng – Nam Hòa	2	x	30	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Hòa
98	Hải Hà – Móng Cái	2	x	40	Xây mới		x	x		
99	Phong Thổ – Than Uyên	2	x	65	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
100	Mường Tè – Lai Châu	2	x	50	Xây mới	x		x		Giải tỏa TĐ, đã đóng điện T2/2021
101	Pắc Ma – Mường Tè	2	x	36	Xây mới	x		x		Giải tỏa TĐ
102	Nậm Ou 7 – Lai Châu	2	x	65	Xây mới		x	x		Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x97km, trên

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										địa phận Việt Nam 2x65km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
103	Nậm Ou 5 – Điện Biên	2	x	22	Xây mới		x	x		Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
104	Nâng khả năng tải Sơn La – Việt Trì	1	x	167	Cải tạo	x		x		
105	500 kV Sơn La – Điện Biên	2	x	133	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên
106	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La – Sơn La	1	x	41	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
107	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La – Mường La	1	x	21	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
108	Nâng khả năng tải Mường La – Sơn La	1	x	32	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
109	Suối Sập 2A – Rẽ Sơn La – Việt Trì	2	x	5	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
110	Phù Yên – Rẽ Sơn La – Việt Trì	2	x	7	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 220 kV Phù Yên (cấp điện phụ tải chuyên dùng)
111	Yên Thủy – Rẽ Hòa Bình – Nho Quan	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Thủy
112	KKT Nghi Sơn – Rẽ Nghi Sơn – NĐ Nghi Sơn	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV KKT Nghi Sơn
113	Nghi Sơn 2 – Rẽ NĐ Nghi Sơn – Nông Cống	4	x	2	Xây mới		x		x	Đầu nối trạm 220kV Nghi Sơn 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
114	Thanh Hóa 500 kV – Sầm Sơn	2	x	36	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Sầm Sơn
115	500 kV Thanh Hóa – Rẽ Nông Cống – Thanh Hóa	4	x	7	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thanh Hóa
116	500 kV Thanh Hóa – Hậu Lộc	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hậu Lộc
117	Thanh Hóa 500kV – Bim Sơn	1	x	36	Xây mới		x	x		Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch đường dây 220 kV Ba Chè - Bim Sơn
118	TĐ Nam Sum (Lào) – Nông Cống	2	x	129	Xây mới	x		x		Tên gọi khác của đường dây 220 kV " <i>Trạm cắt 220 kV Nậm Sum - Nông Cống (phần đường dây trên lãnh thổ Việt Nam)</i> ", đã được phê duyệt trong văn bản số 1889/TTg-CN ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng bộ TĐ Nậm Sum Lào
119	Mạch 3 Thanh Hóa – Nghi Sơn – Quỳnh Lưu	1	x	83	Xây mới		x	x		Treo dây mạch 2
120	Nâng khả năng tải Nông Cống – 500 kV Thanh Hóa	2	x	26	Cải tạo		x	x		Cải tạo trong trường hợp giải tỏa NĐ Nghi Sơn 2 qua lưới điện 220 kV.
121	NĐ Nghi Sơn – Rẽ Nông Cống – Quỳnh Lưu	2	x	10	Xây mới		x	x		Chuyên đầu nối Nông Cống - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Quỳnh Lưu thành Nông Cống - Quỳnh Lưu. Thay thế đường dây 220

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										kV NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh
122	Nông Cống – Nghi Sơn – chuyển đầu nối NĐ Nghi Sơn	2	x	42	Xây mới		x	x		Giai đoạn 2 của đường NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu, hoàn trả hiện trạng ĐĐ 220 kV Nông Cống - Quỳnh Lưu
123	Tĩnh Gia – Rẽ Nông Cống – Nghi Sơn	2	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tĩnh Gia
124	Mỹ Lý – Bản Vẽ	1	x	72	Xây mới	x			x	Đồng bộ TĐ Mỹ Lý
125	Đông Vàng – Rẽ NĐ Nghi Sơn – Nông Cống	4	x	4	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải
126	Nam Cẩm – Rẽ Quỳnh Lưu – Hưng Đông	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Cẩm
127	Quý Hợp – Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	62	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Quý Hợp, giải phóng công suất TĐN.
128	Đầu nối TBA 500 kV Quỳnh Lưu	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV Quỳnh Lưu 500 kV
129	Đô Lương – Nam Cẩm	2	x	32	Xây mới	x		x		Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
130	Nâng khả năng tải Hưng Đông – Quỳnh Lưu – Nghi Sơn	2	x	100	Cải tạo		x	x		Cải tạo, nâng khả năng tải 2 mạch, Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
131	Nậm Mô 2 (Lào) – Tương Dương	2	x	77	Xây mới	x		x		Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)
132	Tương Dương – Đô Lương	2	x	100	Xây mới	x		x		Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
133	Tương Dương – Rẽ Thủy điện Bản Vẽ – Đô Lương	2	x	3	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Tương Dương
134	Vũng Áng – 500 kV NB Vũng Áng	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng
135	Vũng Áng 2 – Rẽ Vũng Áng – 500 kV NB Vũng Áng	2	x	2	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
136	Nâng khả năng tải Hà Tĩnh – Hưng Đông	2(3)	x	66	Cải tạo		x	x		Chống quá tải mùa khô. Xem xét cải tạo Mạch 1 đường dây vận hành từ năm 1990 thành 02 mạch, tháo dỡ hoặc giữ nguyên mạch còn lại nếu mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại TBA 500 kV Hà Tĩnh và TBA 220 kV Hưng Đông.
137	500 kV Đan Phượng – Mê Linh	2	x	15	Xây mới		x	x		Xem xét chuyển đầu nối thành mạch kép Vân Trì - Sóc Sơn và mạch kép Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh - Đan Phượng 500 kV
138	Đầu nối 500 kV Đan Phượng	4	x	11	Xây mới		x	x		Rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ
139	Sóc Sơn 2 – Rẽ Hiệp Hòa – Đông Anh	2	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
140	500 kV Sơn Tây – Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc 2
141	500 kV Sơn Tây – Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
142	500 kV Sơn Tây – Rẽ Sơn Tây – Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
143	Đan Phượng 500 kV – Cầu Giấy	2	x	20	Xây mới		x	x		Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy
144	Hai Bà Trưng – Thành Công	2	x	5	Xây mới		x	x		Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
145	Hai Bà Trưng – Mai Động	2	x	3	Xây mới		x	x		Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
146	Chương Mỹ – Rẽ Hòa Bình – Hà Đông	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ
147	Nam Hà Nội 500 kV – Phú Xuyên	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên
148	Đầu nối 500 kV Nam Hà Nội	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội, rẽ Hà Đông Phủ Lý và Ứng Hòa - Phủ Lý
149	Long Biên 500 kV – Rẽ Long Biên 2 – Mai Động	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Long Biên
150	Hải Phòng 500 kV – Dương Kinh	2	x	8	Xây mới		x	x		
151	Hải Phòng 500 kV – Tiên Lãng	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng
152	Bắc Bộ 1 – Đồ Sơn	2	x	10	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
153	Bắc Bộ 3 – Hải Hà	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
154	Đồ Sơn – Dương Kinh	2	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
155	Đại Bản – Rẽ Hải Dương 2 – Dương Kinh	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản
156	Nhị Chiểu – Rẽ Mạo Khê – Hải Dương 2	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiểu
157	Tứ Kỳ – Rẽ 500 kV Hải Phòng – Gia Lộc	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tứ Kỳ
158	Gia Lộc 500 kV – Rẽ Gia Lộc – Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV
159	Hung Yên 500 kV – Đồng Văn	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hung Yên
160	Văn Giang – Rẽ Long Biên 500 kV – Thường Tín 500 kV	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang
161	Hung Yên 500 kV (TP Hưng Yên) – Rẽ Kim Động – Phố Cao	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên
162	Nam Định 2 – Rẽ Trục Ninh – Ninh Bình và Trục Ninh – Nam Định	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2
163	LNG Thái Bình – Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Thái Bình
164	LNG Thái Bình – Trục Ninh	2	x	50	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Thái Bình
165	Nghĩa Hưng – Rẽ NĐ Nam Định 500 kV – Hậu Lộc	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng
166	Quỳnh Phụ – Rẽ Thái Bình – Đồng Hòa	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ
167	Cao Bằng – Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
168	Bảo Lâm – Bắc Mê	2	x	30	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang
169	Văn Bàn – Rẽ Than Uyên – Lào Cai 500 kV	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ
170	Lạng Sơn 1 – Đồng Mỏ (*)	2	x	60	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
171	Lạng Sơn 2 – Lạng Sơn 1 500kV (*)	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
172	Hiệp Hòa 2 – Rẽ Hiệp Hòa 500 kV – Phú Bình 2	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2
173	500 kV Thái Nguyên – Rẽ Malungtang – Thái Nguyên	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
174	500 kV Thái Nguyên – Rẽ Tuyên Quang (TBA) – Phú Bình	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
175	500 kV Thái Nguyên – Rẽ Lưu Xá – Phú Bình	2	x	9	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
176	Đại Từ – Rẽ Hà Giang – Thái Nguyên 500 kV và Tuyên Quang – Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ
177	Phú Thọ 3 – Rẽ Nghĩa Lộ – 500 kV Việt Trì	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3
178	Bắc Giang 500 kV – Rẽ NMNĐ An Khánh Bắc Giang – Lạng Sơn	4	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
179	Đầu nối 500 kV Yên Thế	4	x	4	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp trên 02 mạch Phú Bình 2 rẽ Lạng Giang - Thái Nguyên
180	Yên Thế 500 kV – Việt Yên	2	x	25	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên
181	Tân Yên – Rẽ Yên Thế – Việt Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên
182	Phúc Yên – Rẽ 500 kV Vĩnh Yên – 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phúc Yên
183	Chấn Hưng – Rẽ 500 kV Việt Trì – 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng
184	Bắc Giang 1 – Lạng Sơn 1 (*)	2	x	35	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
185	Đông Mỏ – Sơn Động	2	x	60	Xây mới		x	x		
186	Bắc Ninh 7 – Rẽ 500 kV Đông Anh – Bắc Ninh 4	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 7
187	Bắc Ninh 500 kV – Bắc Ninh	2	x	10	Xây mới		x	x		Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch
188	KCN Hải Hà – Hải Hà	2	x	10	Xây mới		x	x		Đảm bảo cấp điện KCN Hải Hà và giải phóng công suất NB đồng phát Hải Hà trong trường hợp gia tăng công suất bán điện lên lưới.
189	Nâng khả năng tải Quảng Ninh – Hoàn Bô	2	x	20	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
190	Quảng Ninh 1 – Rẽ Hoàn Bồ – NĐ Sơn Động và Hoàn Bồ – Tràng Bạch (*)	4	x	5	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
191	Lai Châu 500 kV – Phong Thổ	2	x	60	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TĐ, giảm tải TBA 500 kV Lai Châu, dây phân pha tiết diện lớn
192	Sìn Hồ – Rẽ Lai Châu 500 kV – Phong Thổ	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sìn Hồ, giải tỏa nguồn điện khu vực
193	Mường Tè – Sìn Hồ	2	x	35	Xây mới		x	x		Công suất TĐN khu vực Mường Tè
194	Điện Biên 1 – Điện Biên (*)	2	x	23	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
195	Điện Biên 1 – Lai Châu (*)	2	x	52	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
196	Mộc Châu – Rẽ đầu nối TĐ Trung Sơn	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Mộc Châu
197	Sông Mã – Sơn La 500 kV	2	x	83	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện nhỏ
198	Sơn La 1 – Rẽ Sơn La – Suối Sập 2A (*)	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
199	Đầu nối Tân Lạc	6	x	5	Xây mới		x	x		Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy và chuyển đầu nối TĐ Trung Sơn, hình thành các đường dây 220 kV mạch kép Hòa Bình - Tân Lạc, Tân Lạc - Yên Thủy và Tân Lạc - TĐ Trung Sơn - TĐ Hội Xuân

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
200	Thiệu Hóa – Thanh Hóa 500 kV	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Hóa
201	Thiệu Hóa – Thiệu Yên	2	x	25	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Yên
202	TĐ Hồi Xuân – Bá Thước	2	x	30	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thước
203	Thanh Hóa 1 – Rẽ Nghi Sơn – Nông Cống (*)	4	x	2	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
204	Tương Dương – Quý Hợp	2	x	80	Xây mới		x	x		Giải phóng TĐN và tăng cường nhập khẩu điện Lào
205	TĐ Nậm Mô 1 – Rẽ Mỹ Lý – Bản Vẽ	2	x	18	Xây mới		x		x	Đồng bộ TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)
206	Can Lộc – Rẽ Hà Tĩnh – Hưng Đông	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Can Lộc
207	Hà Tĩnh 1 – Rẽ Vũng Áng – Hà Tĩnh (*)	4	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
II	Miền Trung									
1	Ba Đồn – Rẽ Vũng Áng – Đồng Hới	2	x	3	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp mạch còn lại, trường hợp nguồn điện khu vực đầu nối về trạm 220 kV Ba Đồn tăng cao
2	Điện gió B&T1 – Rẽ Đồng Hới – Đông Hà mạch 2	2	x	10	Xây mới	x			x	Bổ sung công trình đầu nối điện gió B&T để đảm bảo N-1
3	Đầu nối 500 kV Quảng Trị	6	x	2	Xây mới	x		x		Rẽ chuyển tiếp Đông Hà - Huế và Đông Hà - Phong Điền
4	Đông Hà – Huế mạch 3	1	x	78	Xây mới		x	x		Treo dây mạch 3 trên đường dây 220 kV Đông Hà - Huế mạch 2 hiện hữu

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
5	ĐG TNC Quảng Trị 1 – Hướng Tân	1	x	11	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió TNC Quảng Trị 1,2, phương án đầu nối được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
6	Hướng Linh – Lao Bảo (*)	1	x	12	Xây mới	x			x	Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
7	ĐG LIG Hướng Hóa 1 – Hướng Tân	1	x	13	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió LIG Hướng Hóa 1, đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
8	ĐG LIG Hướng Hóa 2 – LIG Hướng Hóa 1	1	x	8	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió LIG Hướng Hóa 2, đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
9	ĐG Tài Tâm – Lao Bảo	1	x	12	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
10	Hướng Tân – Lao Bảo (*)	1	x	12	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
11	ĐG Amacao – Lao Bảo	1	x	8	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
12	500 kV Lao Bảo – Rẽ Lao Bảo – Đông Hà	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Lao Bảo
13	500 kV Lao Bảo – Rẽ ĐG Tài Tâm – Lao Bảo	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Lao Bảo
14	Phong Điền – Rẽ Đông Hà – Huế (mạch 2)	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối chuyển tiếp thêm 01 mạch, tăng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện từ TBA 220 kV Phong Điền; hiện nay mới chuyển tiếp trên 01 mạch
15	Chân Mây – Rẽ Hòa Khánh – Huế	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Chân Mây
16	Hải Châu – Hòa Khánh	2	x	10	Xây mới	x		x		Xem xét chuyển tiếp một mạch Đà Nẵng - Hòa Khánh
17	Hải Châu – Ngũ Hành Sơn	2	x	10	Xây mới		x	x		
18	Duy Xuyên – Rẽ Đà Nẵng – Tam Kỳ	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Duy Xuyên
19	500 kV Thạnh Mỹ – Duy Xuyên	2	x	69	Xây mới	x		x		
20	Tam Hiệp – Rẽ Tam Kỳ – Dốc Sỏi	4	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Hiệp
21	Liên Chiểu – Rẽ Hòa Khánh – Huế	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Liên Chiểu

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
22	Đắc Mi 2 – Rẽ Đắc My 3 – Đắc My 4A	2	x	5	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ TĐ Đắc Mi 2
23	TĐ Nam Emoun – Trạm cắt Đắc Ooc	2	x	51	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Nam Emoun (Lào), treo trước 1 mạch
24	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc – Rẽ Xekaman 3 – Thạnh Mỹ	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm cắt 220 kV Đắc Ooc, đồng bộ TĐ Nam Emoun Lào
25	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc – TĐ Sông Bung 2	2	x	10	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất nguồn nhập khẩu từ Lào
26	Nâng khả năng tải Đắc Ooc – Thạnh Mỹ	2	x	31	Cải tạo		x		x	Giải phóng công suất nguồn nhập khẩu từ Lào
27	Mạch 2 Quảng Ngãi – Quy Nhơn (Phước An)	2	x	142	Xây mới	x		x		Treo mạch 2, thay dây phân pha mạch 1, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
28	Phước An – Rẽ TĐ An Khê – Quy Nhơn (mạch 1)	2	x	2	Xây mới		x	x		
29	Nâng khả năng tải Dốc Sỏi – Dung Quất	2	x	8	Cải tạo		x	x		Xem xét phương án xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất, đẩy sớm tiến độ SPP TBKHH Dung Quất để giảm thiểu thời gian cắt điện ĐD 220 kV Dốc Sỏi - Dung Quất.
30	TBKHH Dung Quất – Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới	x		x		Cấp điện cho TBA 220 kV Dung Quất 2
31	TBKHH Dung Quất – Rẽ Dốc Sỏi – Dung Quất	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối SPP 220 kV TBKHH Dung Quất

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
32	Treo dây mạch 2 Dốc Sỏi – Quảng Ngãi	2	x	59	Xây mới	x		x		Treo dây mạch 2, xem xét sử dụng dây siêu nhiệt cho cả hai mạch trong trường hợp phát triển nguồn NLTT và TĐN khu vực (ĐG Kon Plong, cụm TĐ Đắk Re, cụm TĐ Nước Long)
33	Cụm TĐ Nước Long – Rẽ Thượng Kon Tum – Quảng Ngãi	2	x	4	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
34	Nâng khả năng tải Pleiku 2 – Phước An	1	x	151	Xây mới		x		x	Xây mới mạch 2 hoặc thay dây siêu nhiệt
35	Phước An – Nhơn Hội	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nhơn Hội
36	Bình Định 500 kV – Rẽ Phước An – Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
37	Bình Định 500 kV – Rẽ An Khê – Quy Nhơn và Pleiku 2 – Phước An	4	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
38	Phù Mỹ – Rẽ Phước An – Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối chuyển tiếp thêm 01 mạch, tăng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện từ TBA 220 kV Phù Mỹ; hiện nay mới chuyển tiếp trên 01 mạch
39	Bờ Y – Kon Tum	2	x	52	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bờ Y
40	TĐ Đắk Mi 1 – TĐ Đắk My 2	1	x	15	Xây mới	x			x	Đồng bộ TĐ Đắk Mi 1
41	Nam Kong 3 – Trạm cắt 220 kV Bờ Y	2	x	76	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 (Lào)

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
42	Trạm cắt 220 kV Bờ Y – Rẽ Xekaman 1 – Pleiku 2	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm cắt Bờ Y, đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 Lào
43	ĐG Kon Plong – Rẽ TĐ Thượng Kon Tum – Quảng Ngãi	2	x	19	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Kon Plong, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
44	TĐ Đắc Lô 3 – Rẽ Thượng Kon Tum – Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
45	Nâng khả năng tải Kon Tum – Pleiku (*)	2	x	36	Cải tạo		x	x		
46	Nâng khả năng tải Pleiku – ĐSK An Khê – TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo	x			x	
47	Chư Sê – Rẽ Pleiku 2 – Krông Buk	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Chư Sê, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
48	Mạch 2 Pleiku 2 – Krông Buk	1	x	141	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
49	Krông Pa – Chư Sê	2	x	63	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Krông Pa
50	ĐG Nhơn Hòa 1 – Rẽ Krông Buk – Pleiku 2	4	x	4	Xây mới	x			x	Đầu nối ĐG Nhơn Hòa 1, 2; phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020. Sau khi TBA 500kV Nhơn Hòa vào vận hành ĐG Nhơn Hòa 1,2 sẽ chuyển đầu nối về TBA 500 kV Nhơn Hòa, bỏ đầu nối trên cả 02

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										mạch và hoàn trả lại hiện trạng đường dây 220kV Krông Buk - Pleiku 2 theo Văn bản số 323/TTg-CN ngày 17/3/2021 của Thủ tướng và Văn bản số 1301/BCT-ĐL ngày 11/3/2021 của Bộ Công Thương.
51	ĐG Ia Pét Đắc Đoa – Pleiku 3	2	x	23	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Ia Pét - Đắc Đoa, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
52	ĐG Ia Le 1 – Rẽ Krông Buk – Pleiku 2	2	x	6	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Ia Le 1, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
53	ĐG Ia Boòng – Chư Prông – ĐG Nhơn Hòa 1	1	x	8	Xây mới	x			x	Đồng bộ NMĐG Ia Boòng - Chư Prông đã được. Vị trí và phương án đấu nối điều chỉnh của NMĐG Ia Boòng - Chư Prông được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4776/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
54	ĐG Hưng Hải Gia Lai – Rẽ Pleiku 2 – TĐ An Khê	2	x	14	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Hưng Hải Gia Lai, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
55	ĐG Yang Trung – Rẽ Pleiku 2 – TĐ An Khê	2	x	25	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Yang Trung, thay cho đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020. Trường hợp ĐG Yang Trung vào trước ĐG Hưng Hải Gia Lai, cần đầu tư đồng bộ đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê. ĐG Hưng Hải Gia Lai sẽ đấu nối chuyển tiếp trên hai mạch ĐD 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê.
56	An Khê – Rẽ Pleiku 2 – Phước An	2	x	1	Xây mới	x			x	Đấu nối TBA 220 kV An Khê
57	Krông Ana – Rẽ Krông Buk – Buôn Kuốp	2	x	22	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đấu nối TBA 220 kV Krông Ana
58	Krông Buk 500 kV – Krong Buk	2	x	27	Xây mới	x			x	Đấu nối về trạm 220 kV Krong Buk, đường dây phân pha

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
59	Mạch 2 Krông Buk – Nha Trang	1	x	151	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
60	ĐG Krông Buk – Rê Krông Buk – Pleiku 2	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Krông Buk 1,2, điện gió Cư Né 1,2, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
61	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 – Buôn Kuop	1	x	28	Cải tạo		x	x		Giải tỏa công suất nguồn điện
62	TĐ Sông Ba Hạ – Krong Buk 500 kV	2	x	113	Xây mới		x	x		Tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
63	Nâng khả năng tải Buôn Kuop – Buôn Tua Shra – Đăk Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo	x			x	Giải tỏa công suất nguồn điện
64	ĐG Đăk Hòa – Rê Buôn Kuop – Đăk Nông 500 kV	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đấu nối ĐG Đăk Hòa, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
65	ĐG Đăk ND'rung 1,2,3 – Đăk Nông 500 kV	2	x	18	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Đăk ND'rung 1,2,3, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
66	Điện Phân Nhôm – Rê Bình Long – 500 kV Đăk Nông	4	x	3	Xây mới		x	x		Đồng bộ với phụ tải
67	Điện Phân Nhôm – Rê Buôn Kuốp – 500 kV Đăk Nông	2	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ với phụ tải

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
68	Nâng khả năng tải Tuy Hòa – Vân Phong – Nha Trang	2	x	118	Cải tạo		x	x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
69	Tuy Hòa – Phước An	2	x	95	Xây mới		x	x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
70	HBRE An Thọ – Tuy Hòa (*)	1	x	16	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG An Thọ
71	Nâng khả năng tải Tuy Hòa – Quy Nhơn	1	x	93	Cải tạo	x		x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
72	Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu, GĐ1: Đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GĐ2: Chuyển về đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch ĐD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành
73	Nha Trang – Tháp Chàm	2	x	89	Xây mới	x		x		
74	Cam Ranh – Rẽ Nha Trang – Tháp Chàm	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Cam Ranh
75	Vạn Ninh – Rẽ Vân Phong – Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vạn Ninh
76	500 kV Vân Phong – Rẽ Tuy Hòa – Vân Phong 220 kV (mạch 1)	2	x	26	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong
77	500 kV Vân Phong – Rẽ Tuy Hòa – Vân Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
78	Lệ Thủy – Rẽ Đồng Hới – Đông Hà	4	x	2	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực, nối cấp TBA 500 kV Quảng Bình
79	Nâng khả năng tải Đồng Hới – Đông Hà	2	x	108	Cải tạo		x	x		Trường hợp điện gió Quảng Trị phát triển cao
80	TBKHH Quảng Trị – Rẽ Đông Nam – 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBKHH Quảng Trị
81	500 kV Quảng Trị – Đông Nam	2	x	27	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đông Nam
82	Hương Thủy – Rẽ Huế – Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hương Thủy
83	Nâng khả năng tải Huế – Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo		x	x		
84	Nâng khả năng tải Đà Nẵng – Tam Kỳ – Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo		x	x		
85	Tiên Sa – Rẽ Hải Châu – Ngũ Hành Sơn	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tiên Sa
86	Sân bay Đà Nẵng – rẽ Hòa Khánh – Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới		x	x		Đường dây cáp ngầm đầu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng
87	Dung Quất – Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới		x	x		Đảm bảo N-1
88	Điện Bàn – Nam Hội An	2	x	24	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Hội An
89	Đà Nẵng 500 kV – Điện Bàn	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Điện Bàn
90	Quảng Ngãi 2 – Rẽ Dốc Sỏi – Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Quảng Ngãi 2

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
91	Phù Mỹ 2 – Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
92	Nam Phú Yên – Rẽ Nha Trang – Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Phú Yên
93	Vân Phong 500 kV – Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới		x	x		
94	Cam Thịnh – Rẽ Cam Ranh – Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Cam Thịnh
95	Trạm cắt 220 kV Bờ Y – Bờ Y	2	x	30	Xây mới		x	x		
96	Thượng Kon Tum – Kon Tum	2	x	83	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện và điện gió, tăng cường liên kết
97	Ea Kar – Rẽ Krông Buk – Nha Trang	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ea Kar
98	Gia Lai 1 – Pleiku 3	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
99	Đắk Nông 2 – Rẽ Buôn Kuốp – Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đắk Nông 2
100	Đầu nối ĐGNK Trung Trung Bộ	60			Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
III	Miền Nam									
1	Mạch 2 Bảo Lộc – Sông Mây	2	x	118	Cải tạo	x		x		Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim – Rẽ Tháp Chàm – Đa Nhim	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhim
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim – Đức Trọng – Di Linh	2	x	85	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực; thay thế cho công trình cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										ĐD 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhim
4	TĐ Đồng Nai 2 – Rẽ Đức Trọng – Di Linh và chuyển đầu nối (Đức Trọng – TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng – Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 – Di Linh	1	x	15	Xây mới		x	x		Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh thay cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh
5	Đức Trọng – Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim – Di Linh	2	x	1	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Nha Trang – Tháp Chàm	2	x	88	Xây mới	x		x		
7	500 kV Ninh Sơn – Rẽ Tháp Chàm – Ninh Phước	4	x	22	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
8	500 kV Ninh Sơn – Ninh Phước	2	x	35	Xây mới		x	x		Thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
9	500 kV Ninh Sơn – Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
10	Tháp Chàm – trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
11	500 kV Vĩnh Tân – Cà Ná	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Cà Ná

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
12	Ninh Phước – 500 kV Thuận Nam	2	x	25	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Giải tỏa nguồn điện khu vực
13	Hàm Tân – Rẽ Phan Thiết – Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Xây mới	x		x		
14	Hàm Thuận Nam – Rẽ Phan Thiết – Hàm Tân	4	x	4	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam
15	Vĩnh Hảo – Rẽ Vĩnh Tân – Phan Rí	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vĩnh Hảo
16	Hòa Thắng – Rẽ Phan Thiết – Phan Rí	2	x	7	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 220 kV Hòa Thắng
17	Nâng khả năng tải Hàm Thuận – Đa Mỹ – Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo		x	x		
18	Nâng khả năng tải Phan Thiết – Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo		x	x		
19	Cát Lái – Tân Cảng	2	x	15	Xây mới	x		x		
20	Bình Chánh 1 – Cầu Bông	2	x	13	Xây mới		x	x		
21	Thuận An – Tân Sơn Nhất	2	x	15	Xây mới		x	x		
22	Tân Sơn Nhất – Rẽ Hóc Môn – Thủ Đức	2	x	9	Xây mới	x		x		
23	Phú Lâm – Đầm Sen	2	x	6	Xây mới	x		x		
24	Đầm Sen – Bà Quẹo – Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới	x		x		Đoạn Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất: giai đoạn 2021-2025 Đoạn Đầm Sen - Bà Quẹo: giai đoạn 2026-2030
25	500 kV Long Thành – Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
26	500 kV Củ Chi – Rẽ Củ Chi – Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định
27	500 kV Củ Chi – Rẽ Củ Chi – Tân Định	2	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV – 220 kV Củ Chi
28	Thủ Thiêm – Rẽ Cát Lái – Tân Cảng	4	x	1	Xây mới	x		x		
29	Tao Đàn – Tân Cảng	2	x	7	Xây mới	x		x		
30	Quận 7 – Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ NĐ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn
31	Quận 9 – Rẽ Long Thành – Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới		x	x		
32	LNG Hiệp Phước giai đoạn I – Rẽ Phú Mỹ – Cần Đước	4	x	3	Xây mới		x		x	Đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
33	Nâng khả năng tải Phú Mỹ – Cần Đước	2	x	57	Cải tạo		x	x		Đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
34	Nam Hiệp Phước – Rẽ Phú Mỹ – Cần Đước	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước sau cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
35	Nâng khả năng tải Thủ Đức – Tân Uyên – Long Bình	2	x	44	Cải tạo		x	x		Xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu
36	Nâng khả năng tải Bình Long – Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
37	Phước Long – Rẽ Bình Long – Đắc Nông	2	x	5	Xây mới	x		x		
38	Định Quán – Rẽ Bảo Lộc – Sông Mây	4	x	1	Xây mới	x		x		
39	Tân Biên – Tây Ninh	2	x	25	Xây mới	x		x		
40	500 kV Tây Ninh 1 – Rẽ Tây Ninh 2 – Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
41	500 kV Tây Ninh 1 – Phước Đông	2	x	8	Xây mới		x	x		
42	Chơn Thành – Bến Cát	2	x	28	Xây mới	x		x		
43	Bến Cát 2 – Rẽ Tân Định – Củ Chi	4	x	1	Xây mới	x		x		
44	Bến Cát 2 – Rẽ Chơn Thành – Bến Cát	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch DD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát
45	Tân Định 2 – Rẽ Mỹ Phước – Bến Cát	4	x	11	Xây mới	x		x		
46	500 kV Bình Dương 1 – Rẽ Uyên Hưng – Sông Mây	4	x	40	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
47	An Thạnh (VSIP) – Rẽ Tân Uyên – Thuận An	4	x	3	Xây mới		x	x		
48	Bình Mỹ – Rẽ Bình Dương 1 – Sông Mây	4	x	3	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
49	Lai Uyên – Rẽ Chon Thành – Bến Cát	4	x	1	Xây mới	x		x		
50	Bắc Tân Uyên – Rẽ Bình Mỹ – Sông Mây	2	x	7	Xây mới		x	x		
51	Sông Mây – Tam Phước	2	x	14	Xây mới	x		x		
52	An Phước – Rẽ Long Bình – Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
53	Tam Phước – Rẽ Long Bình – Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
54	500 kV Long Thành – Rẽ Long Bình – Long Thành	4	x	10	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Long Thành
55	500 kV Đồng Nai 2 – Rẽ Xuân Lộc – Long Thành	4	x	12	Xây mới	x		x		
56	Long Khánh – Rẽ Xuân Lộc – Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		
57	NMĐ Nhơn Trạch 3 – Rẽ Mỹ Xuân – Cát Lái	2	x	10	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyển đầu nối đi Thủ Đức) do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD
58	NMĐ Nhơn Trạch 3 – 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3
59	KCN Nhơn Trạch – Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 – 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới	x		x		Đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành
60	Nâng khả năng tải Sông Mây – Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo	x		x		
61	Nâng khả năng tải Sông Mây – Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo	x		x		
62	Thống Nhất – Rẽ Bảo Lộc – Sông Mây	4	x	2	Xây mới		x	x		
63	Nâng khả năng tải Tân Định – Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo		x	x		
64	TĐ Trị An mở rộng – TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐ Trị An mở rộng
65	Nâng khả năng tải Phú Mỹ – Tân Thành	2	x	11	Cải tạo		x	x		
66	Nâng khả năng tải Phú Mỹ – Long Thành	2	x	25	Cải tạo	x		x		
67	KCN Phú Mỹ 3 – Rẽ Tân Thành – Châu Đức	4	x	1	Xây mới	x		x		
68	500 kV Bắc Châu Đức – Rẽ Châu Đức – Tân Thành	4	x	10	Xây mới		x	x		
69	Phú Mỹ – Tân Thành mạch 3,4 và chuyển đầu nối tại TBA 220 kV Tân Thành	2	x	10	Xây mới	x		x		
70	Phước Thuận (Đất Đỏ) – Rẽ Phan Thiết – Tân Thành và Hàm Tân – Tân Thành	4	x	6	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
71	Long Sơn – Rẽ Châu Đức – KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới	x		x		Xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện ĐD 220 kV Châu Đức KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo (GD 2026-2030)
72	Nâng khả năng tải Tân Thành – Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo		x	x		
73	Bến Lức – Rẽ Phú Lâm – Long An (rẽ mạch 2)	2	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
74	Nâng khả năng tải Long An – Bến Lức	2	x	14	Cải tạo		x	x		
75	Gò Công – Cần Đước	2	x	27	Xây mới	x		x		
76	500 kV Đức Hòa – Rẽ Phú Lâm – Long An (mạch 2)	2	x	20	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An
77	Đức Hòa 2 – Rẽ 500 kV Đức Hòa – Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới	x		x		
78	Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV – Rẽ Phú Lâm – Long An	4	x	6	Xây mới	x		x		
79	Treo dây mạch 3,4 ĐD 220kV Đức Hòa 500kV – Đức Hòa 1	2	x	25	Xây mới		x	x		Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Củ Chi
80	500 kV Long An – Rẽ Cần Đước – Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới		x	x		
81	500 kV Thốt Nốt – Lấp Vò	2	x	22	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
82	Hồng Ngự – Châu Đốc	2	x	40	Xây mới		x	x		
83	Sa Đéc – Rẽ Ô Môn – Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long
84	Long Xuyên – Rẽ Châu Đốc – Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt
85	Châu Thành (An Giang) – Rẽ Long Xuyên – Châu Đốc	4	x	2	Xây mới	x		x		
86	Chợ Mới – Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới	x		x		
87	Cải tạo ĐD 220 kV Châu Đốc – Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo		x	x		Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải
88	Tân Phước (Cái Bè) – Rẽ 500 kV Mỹ Tho – Long An	4	x	7	Xây mới	x		x		
89	Mỹ Tho – Rẽ Mỹ Tho 500 kV – Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước
90	Cần Đước – Rẽ Phú Mỹ 500 kV – Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
91	Nâng khả năng tải Mỹ Tho 500 kV – Mỹ Tho – Cần Đức	2	x	55	Cải tạo		x	x		
92	Vĩnh Long 3 – Rẽ Vĩnh Long 2 – Trà Vinh	4	x	1	Xây mới	x		x		
93	Bến Tre – Bình Đại (*)	2	x	50	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
94	Thanh Phú – Rẽ ĐG Hải Phong – Mỏ Cà (*))	4	x	3	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phong vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mỏ Cà đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phong đấu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV.
95	ĐD 220 kV Rạch Giá 2 – Kiên Bình mạch 2	2	x	74	Cải tạo	x		x		Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch
96	An Biên (Vĩnh Thuận) – Rẽ NĐ Cà Mau – Rạch Giá	2	x	17	Xây mới	x		x		
97	220 kV Duyên Hải – Rẽ 500 kV Duyên Hải – Mỏ Cà	4	x	3	Xây mới	x		x		
98	Trà Vinh 3– 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	3	Xây mới		x		x	Đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3
99	Cà Mau 3 – Rẽ Cà Mau – Năm Căn (*)	2	x	26	Xây mới		x		x	Đồng bộ với trạm 220 kV Cà Mau 3

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021- 2025	2026- 2030			
100	Châu Thành (Hậu Giang) – Rẽ Ô Môn – Sóc Trăng	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
101	Kiên Bình – Phú Quốc	2	x	84	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
102	Vĩnh Châu – Rẽ Long Phú – Sóc Trăng (mạch 1)	2	x	20	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu, giải tỏa nguồn điện khu vực
103	Cà Mau – Năm Căn	2	x	58	Xây mới	x		x		
104	Bạc Liêu – Rẽ NĐ Cà Mau – Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	5	Xây mới	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 “ĐD 220 kV mạch kép đầu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD NĐ Cà Mau - Bạc Liêu”
105	Phước Thái – Rẽ Vĩnh Tân – Tháp Chàm (mạch 2)	2	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực
106	ĐG Đức Trọng – Rẽ Đa Nhim – Đức Trọng (*)	2	x	1	Xây mới	x			x	Đồng bộ NMDG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMDG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh.
107	ĐG Phước Hữu – 220 kV Ninh Phước (*)	1	x	2	Xây mới	x			x	Đầu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63MVA
108	ĐG số 5 Ninh Thuận – Ninh Phước	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG số 5 Ninh Thuận
109	ĐG Lạc Hòa 2 – ĐG Hòa Đông 2	1	x	6	Xây mới	x			x	Giải tỏa nguồn điện khu vực, phương án đầu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
110	ĐG Bạc Liêu GD3 – Bạc Liêu	2	x	18	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Bạc Liêu GD3, phương án đầu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
111	Hòa Bình – Rẽ Giá Rai – Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu) chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực
112	Hòa Bình đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đầu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới	x			x	Đầu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực
113	ĐG Viên An – Năm Căn	1	x	20	Xây mới	x			x	Giải tỏa nguồn điện khu vực, phương án đầu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
114	Cụm ĐG Cà Mau 1 – Cà Mau	2	x	52	Xây mới	x			x	Đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1
115	ĐG Long Mỹ 1 – Rẽ NĐ Cà Mau – Ô Môn	2	x	1	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Long Mỹ 1
116	ĐG số 19 Bến Tre – Bình Đại	2	x	12	Xây mới	x			x	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án sơ với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.
117	ĐG Hải Phong – Mỏ Cày	2	x	50	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Hải Phong, phương án đầu nối đã được phê

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										duyet tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
118	ĐG Đông Hải 1 – ĐMT Trung Nam Trà Vinh	1	x	7	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Đông Hải 1, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
119	ĐG Đông Thành 1 – 500 kV Duyên Hải	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.
120	ĐG Thăng Long – 220 kV Duyên Hải	1	x	12	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
121	ĐG Sóc Trăng 4 – Vĩnh Châu	2	x	5	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
122	ĐG Phú Cường 1A, 1B – Vĩnh Châu	2	x	22	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
123	Tà Năng – rẽ Đức Trọng – Di Linh (mạch xây mới) (*)	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
124	Đông Quán Thê – Rẽ Vĩnh Tân – Trạm cắt 220 kV Quán Thê	2	x	1	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
125	Đông Quán Thê – Cà Ná	1	x	7	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
126	Hồng Phong – Rẽ Phan Thiết – Phan Rí (*)	2	x	1	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
127	Hàm Cường – Hàm Thuận Nam (*)	2	x	7	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
128	Phong điện 1 Bình Thuận – Rẽ Vĩnh Tân – Phan Thiết (*)	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
129	500 kV Hồng Phong – Rẽ Phan Rí – Phan Thiết	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 500kV Hồng Phong
130	TĐ Trị An – Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa công suất nguồn điện
131	Nâng khả năng tải Phan Rí – Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải đoạn tuyến tiết diện ACSR-2x330mm ² hiện có trên ĐD 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
132	Phan Rí – TĐ Đại Ninh	2	x	40	Xây mới		x	x		Tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực
133	Nâng khả năng tải Hàm Tân – Châu Đức và Hàm Tân – ĐMT Đá Bạc – Châu Đức	2	x	60	Cải tạo		x	x		Giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
134	500 kV Sơn Mỹ – Rẽ Hàm Tân – Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Sơn Mỹ, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện các ĐD 220 kV Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức sau khi cải tạo
135	Tây Bắc Củ Chi – Củ Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới		x	x		
136	Bình Chánh 1 – Đức Hòa	2	x	10	Xây mới		x	x		
137	Phú Hòa Đông – Rẽ Củ Chi – Cầu Bông	4	x	5	Xây mới		x	x		
138	Bình Chánh 2 – Rẽ Đức Hòa – Phú Lâm	4	x	2	Xây mới		x	x		
139	Nâng khả năng tải Cầu Bông – Củ Chi	2	x	22	Cải tạo		x	x		
140	Nâng khả năng tải Cầu Bông – Bình Tân – Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo		x	x		
141	Đồng Xoài – Chơn Thành	2	x	20	Xây mới		x	x		
142	Bình Long – Chơn Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
143	Đồng Bình Phước – Rẽ Bình Long – Điện phân nhôm (*)	4	x	12	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
144	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV – Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
145	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước – Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
146	Tân Châu 1 – Tân Biên (*)	2	x	16	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
147	500 kV Tây Ninh 2 – Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng – Tây Ninh	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
148	500 kV Tây Ninh 2 – Tây Ninh (chuyên đầu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
149	Tây Ninh 3 – 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới		x	x		
150	Bến Cầu – 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới		x	x		
151	Tân Định 2 – Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới		x	x		
152	Biên Hòa – Rẽ Tân Uyên – Long Bình	4	x	1	Xây mới		x	x		
153	Dầu Giây – 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới		x	x		
154	Dầu Giây – 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới		x	x		
155	Đồng Nai 3 – Tân Uyên (*)	2	x	55	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
156	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành – An Phước – Tam Phước	2	x	16	Cải tạo		x	x		
157	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành – 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo		x	x		
158	Hố Nai – Rẽ Sông Mây – Tam Phước	4	x	1	Xây mới		x	x		
159	TP Phú Mỹ – Rẽ Phú Mỹ – Bà Rịa	4	x	2	Xây mới		x	x		
160	TP Phú Mỹ – Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới		x	x		
161	Nâng khả năng tải Bến Lức – Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo		x	x		
162	Tân Lập – Rẽ 500 kV Đức Hòa – Long An	2	x	9	Xây mới		x	x		
163	Cần Giuộc – Rẽ 500 kV Long An – Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới		x	x		
164	LNG Long An I – 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới		x	x		Đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.
165	LNG Long An I – Bến Lức	2	x	30	Xây mới		x	x		Đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Dự kiến tiến độ đầu tư		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2021-2025	2026-2030			
										220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái
166	Lấp Vò – Hồng Ngự	2	x	55	Xây mới		x	x		
167	500 kV Tiên Giang – Rẽ Vĩnh Long – Sa Đéc	4	x	15	Xây mới		x	x		
168	500 kV Tiên Giang – Rẽ Cai Lậy – Cao Lãnh	4	x	4	Xây mới		x	x		
169	Nâng khả năng tải Trà Vinh – Vĩnh Long 2	2	x	62	Cải tạo		x	x		
170	Bạc Liêu 3 – 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	30	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
171	Bạc Liêu 4 – 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	10	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
172	Trần Đề – 500 kV Long Phú	2	x	24	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
173	Mỏ Cày – 500 kV Mỹ Tho (*)	2	x	42	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
174	Vĩnh Châu – Rẽ Long Phú – Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng
175	500 kV Bạc Liêu – Rẽ Giá Rai – Hòa Bình	4	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu